
LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm gần đây nước ta đang trên đà phát triển , nền kinh tế nước ta đã và đang có sự chuyển biến một cách rõ rệt, rất nhiều những công ty lớn nhỏ được thành lập với nhiều hình thức khác nhau. Bên cạnh đó các doanh nghiệp cũng phải đối mặt với những thử thách trong cuộc cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Vì vậy vấn đề đặt ra trong sản xuất kinh doanh là làm thế nào để có được lợi nhuận cao nhất nhưng chi phí bỏ ra là thấp nhất. Công ty có thể tồn tại , phát triển mạnh mẽ và đứng vững trong nền kinh tế thị trường ngoài việc có sự lãnh đạo giỏi của những người đứng đầu doanh nghiệp mà bên cạnh đó công tác kế toán có vai trò hết sức quan trọng. Với tư cách là công cụ quản lý kinh tế, tài chính kế toán gắn liền với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, gắn liền với thị trường trong và ngoài nước, có ích cho các quyết định kinh tế nên việc đào tạo bồi dưỡng những kế toán viên đã và đang được coi trọng. Vì vậy em quyết định chọn đề tài **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại”** làm khoá luận tốt nghiệp.

Khoá luận tốt nghiệp của em chia làm 3 chương:

_ **Chương 1: Những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

_ **Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại.**

_ **Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại.**

Em xin chân thành cảm ơn cô Nguyễn Thị Mai Linh , các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng , các quý phòng ban trong công ty cổ phần xây lắp và thương mại đã giúp đỡ em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2009

Sinh viên

Nguyễn Thuý Hằng

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong hoạt động kinh doanh, để tạo ra được sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, các doanh nghiệp phải dùng tiền để mua sắm nguyên nhiên vật liệu, công cụ, dụng cụ....để tiến hành sản xuất tạo ra sản phẩm hàng hoá và các dịch vụ, tiến hành tiêu thụ và thực hiện các dịch vụ và thu tiền về, tạo nên doanh thu của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu do tiêu thụ các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, còn bao gồm các khoản doanh thu do các hoạt động khác mang lại.

Do vậy, doanh thu của doanh nghiệp có vai trò rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước như nộp các khoản thuế quy định. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, tham gia liên kết với các đơn vị khác. Trong trường hợp doanh thu không đủ đảm bảo cho các khoản chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ cạnh tranh trên thị trường và tất yếu sẽ đi đến phá sản.

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.1.2.1. Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, doanh thu được hiểu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các

hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.2.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác “ và các chuẩn mực khác có liên quan

✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

✓ Thời điểm ghi nhận doanh thu :

- Bán hàng theo phương thức đại lý, ký gửi:

Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm hàng hoá gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán, khách hàng đã ứng trước tiền mua hàng về số hàng gửi đi bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng theo phương thức bán lẻ hàng và bán các dịch vụ, lao vụ :

Theo phương thức này, doanh nghiệp bán các sản phẩm , hàng hoá trực tiếp cho người tiêu dùng và thu tiền ngay.

- Bán hàng theo phương thức trực tiếp :

Theo phương thức này, căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người nhận hàng ký xác nhận vào hoá đơn bán hàng và số hàng đó được xác định là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng theo phương thức giao thẳng :

Theo phương thức này, doanh nghiệp mua hàng và người cung cấp bán thẳng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp. Khi đó nghiệp vụ mua bán xảy ra đồng thời. Phương thức này chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại.

- Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp :

Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi chậm trả theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi chậm trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

1.1.2.1.2. Doanh thu tiêu thụ nội bộ

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là những khoản thu do bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới

1.1.2.1.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ...

1.1.2.1.4. Thu nhập khác

Thu nhập khác gồm : thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã qua xử lý

xoá sổ, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại, thu nhập từ các khoản phải trả không xác định được chủ, các khoản thu nhập khác.

1.1.2.1.5. Các khoản giảm trừ doanh thu

***) Chiết khấu thương mại:**

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

***) Giảm giá hàng bán:**

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

***) Giá trị hàng bán bị trả lại:**

Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

***) Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp:**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng.

- Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hoá được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu về hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.

1.1.2.2. Chi phí

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản sau:

1.1.2.2.1. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

1.1.2.2.2 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh , cho các hoạt động khác và các khoản thuế gián thu mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của DN trong một thời kỳ nhất định.

***) Chi phí bán hàng:**

Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm :

- Chi phí nhân viên bán hàng: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng , nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá.... Bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn....

- Chi phí vật liệu bao bì : phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm , hàng hoá, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác,

vận chuyên sản phẩm, hàng hoá trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định.... dùng cho bộ phận bán hàng.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng : Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...

- Chi phí khấu hao tài sản cố định : phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng...

- Chi phí bảo hành sản phẩm : phản ánh các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá. Riêng chi phí sửa chữa, bảo hành công trình xây lắp được phản ánh vào chi phí sản xuất chung, không phản ánh vào chi phí bán hàng.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài : phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng , tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hoá đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng , cho đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu...

- Chi phí bằng tiền khác : phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hoá, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng...

***) Chi phí quản lý doanh nghiệp :**

Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm :

- Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

- Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ ... (Giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT).

- Chi phí đồ dùng văn phòng : phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng cho công tác quản lý (Giá có thuế hoặc chưa có thuế giá trị gia tăng).

- Chi phí khấu hao tài sản cố định : phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trong doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng... .

- Thuế, phí và lệ phí : phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như : thuế môn bài, tiền thuê đất ... và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí dự phòng : phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài : phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật , bằng sáng chế...(không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí hội nghị tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

1.1.2.2.3. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm : các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

1.1.2.2.4. Chi phí khác

Chi phí khác gồm : chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng

kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác...

1.1.2.2.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính; chi phí tài chính; chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận ròng hay lãi ròng) là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm :

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường : là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác : là kết quả từ các hoạt động bất thường khác, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.

- Phải theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.

- Ghi chép, phản ánh chi tiết, kịp thời, chính xác các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đơn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như hàng đi đường, hàng tồn kho, hàng gửi bán....

- Xác định đúng thời điểm hàng hoá được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ và thanh toán chi tiết theo từng loại hàng hoá, từng hợp đồng kinh tế.

- Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu BH và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng :

***) TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

✓ Bên Nợ

- + Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- + Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- + Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- + Số thuế tiêu thụ đặc biệt , thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- + Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

+ Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “ **Xác định kết quả kinh doanh**”.

✓ **Bên Có**

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

✓ TK 511 không có số dư cuối kỳ

✓ TK 511 có 5 tiểu khoản cấp 2 :

+ TK 5111 : Doanh thu bán hàng hoá

+ TK 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm

+ TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ TK 5114 : Doanh thu trợ cấp trợ giá

+ TK 5117 : Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

***) TK 512 : Doanh thu bán hàng nội bộ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

✓ **Bên Nợ**

+ Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm trừ hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của một số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ.

+ Số thuế giá trị gia tăng phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp của một số sản phẩm, hàng hoá dịch vụ đã tiêu thụ nội bộ.

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911 “ **Xác định kết quả kinh doanh**”.

✓ **Bên Có**

+ Tổng số doanh thu BH nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

✓ TK 512 không có số dư cuối kỳ

✓ TK 512 có 3 tiêu khoản cấp 2 :

+ TK 5121 : Doanh thu bán hàng hoá

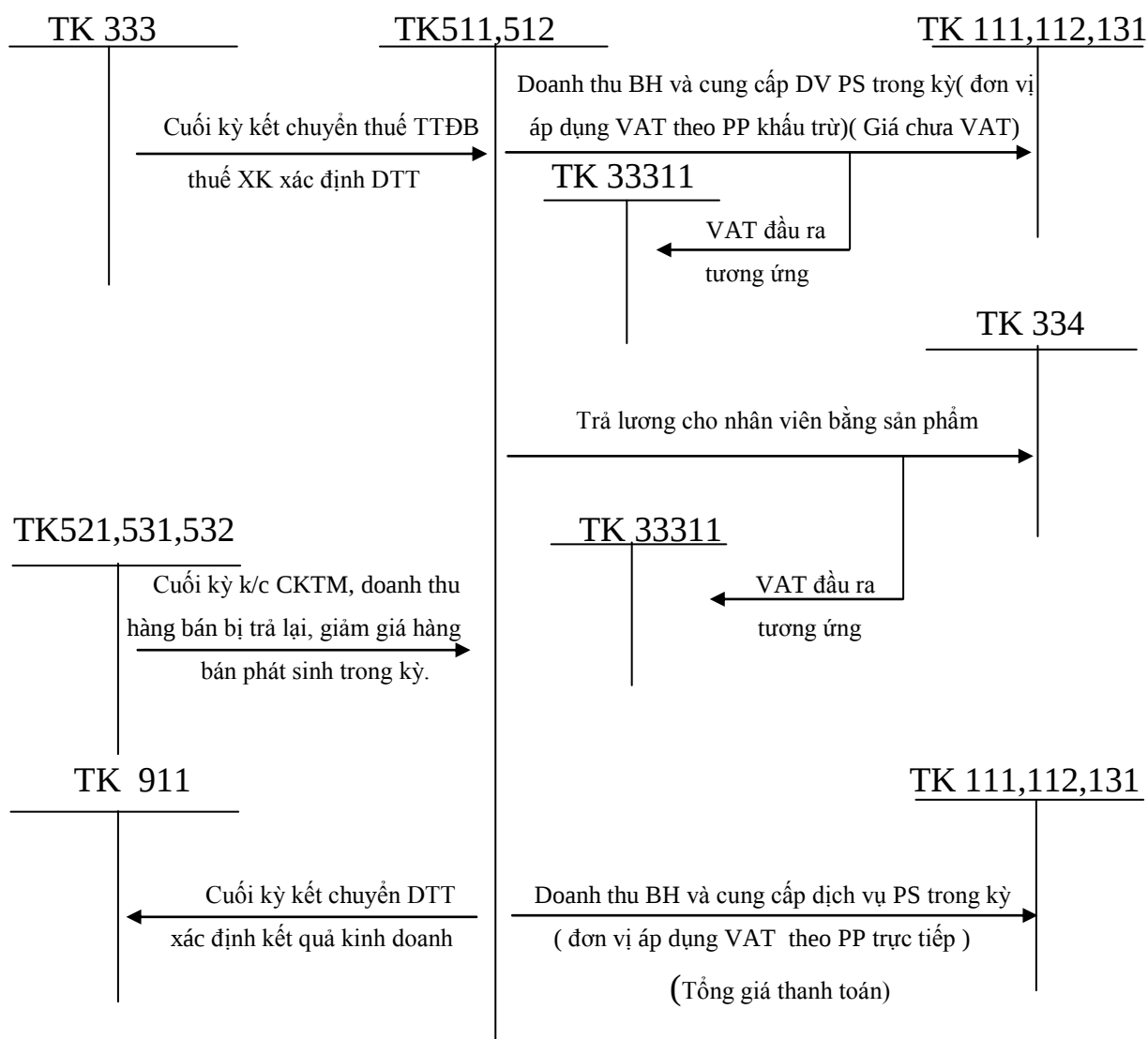
+ TK 5122 : Doanh thu bán các thành phẩm

+ TK 5123 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ được khái quát qua sơ đồ sau :

Sơ đồ 1.1



1.2.2. Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

- Phiếu chi

- Giấy báo có

- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

***) TK 521 : Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng hóa).

✓ Bên Nợ

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

✓ Bên Có

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 “ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

✓ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

***) TK 531: Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (Tính theo đúng đơn giá ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641 "Chi phí bán hàng".

✓ Bên Nợ

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hoá đã bán.

✓ Bên Có

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 “ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**” hoặc TK 512 “ **Doanh thu bán hàng nội bộ**” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

✓ Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

***) TK 532 : Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

✓ **Bên Nợ**

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng.

✓ **Bên Có**

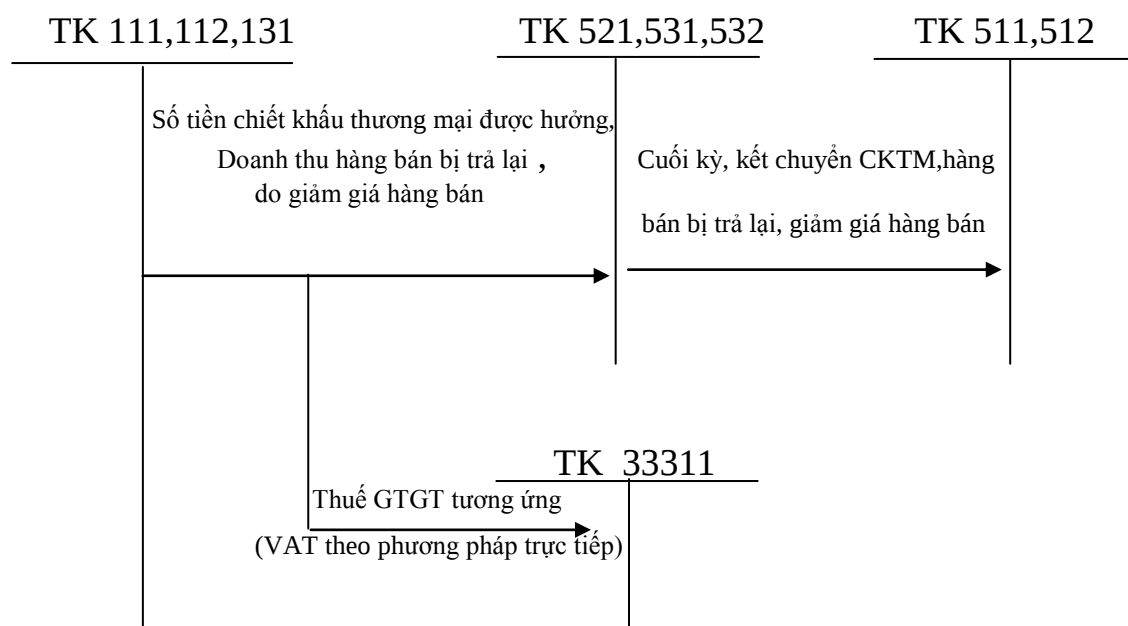
Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 “ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**” hoặc TK 512 “ **Doanh thu bán hàng nội bộ**”.

✓ Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán.

Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát theo sơ đồ sau :

Sơ đồ 1.2



1.2.3. Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng :

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng**✓ TK 632 “ Giá vốn hàng bán”**

Doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên có kết cấu và nội dung phản ánh như sau:

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

✓ Bên nợ:

- + Giá vốn hàng đã bán
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

✓ Bên có:

- + Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- + Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

✓ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản khác liên quan như : TK 156, TK611, TK632(Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

✓ Việc hạch toán hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau :

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ

hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

- Phương pháp nhập trước xuất trước :

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho

- Phương pháp nhập sau xuất trước :

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước. hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho

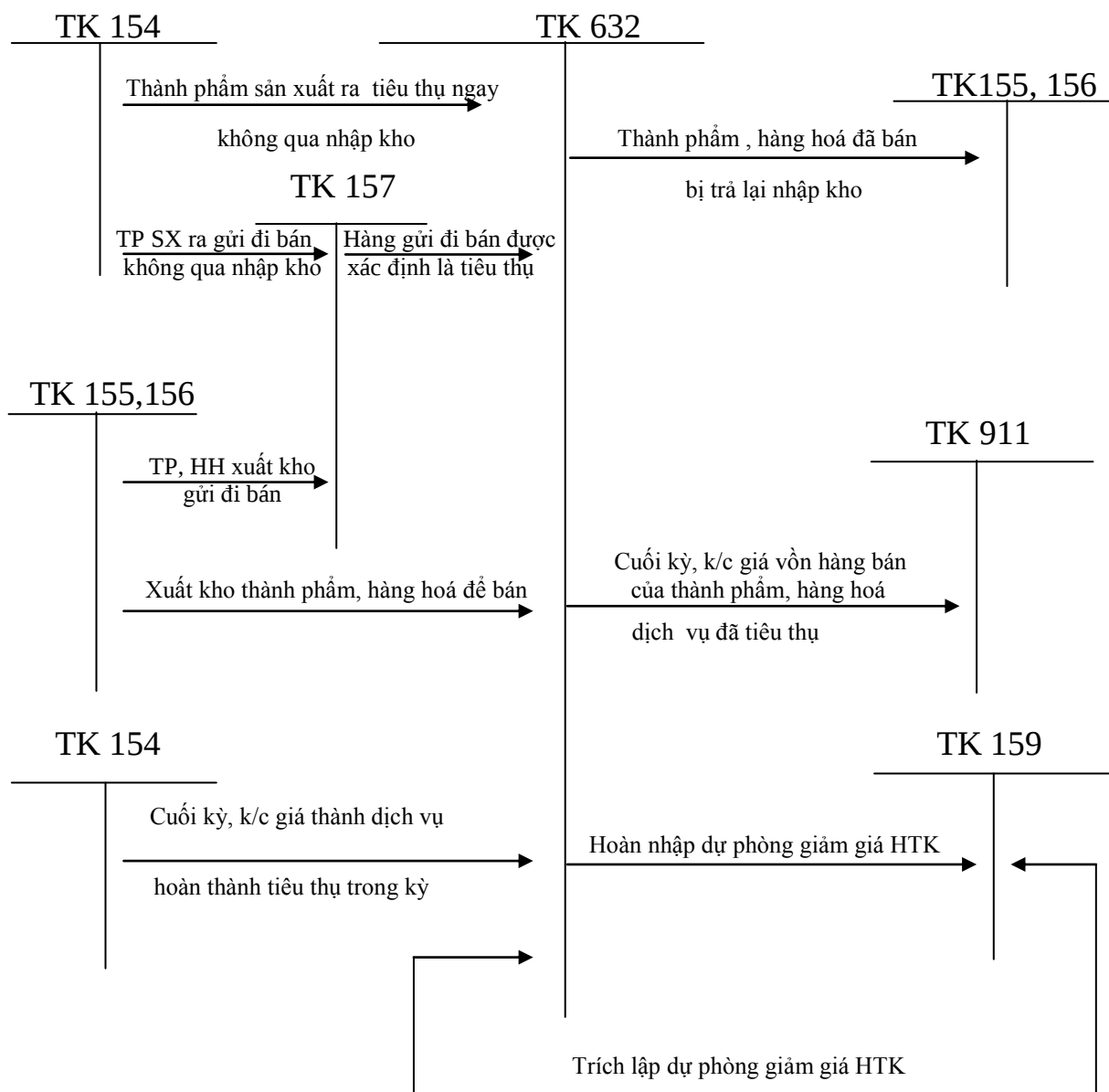
- Phương pháp tính theo giá đích danh:

Phương pháp này được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

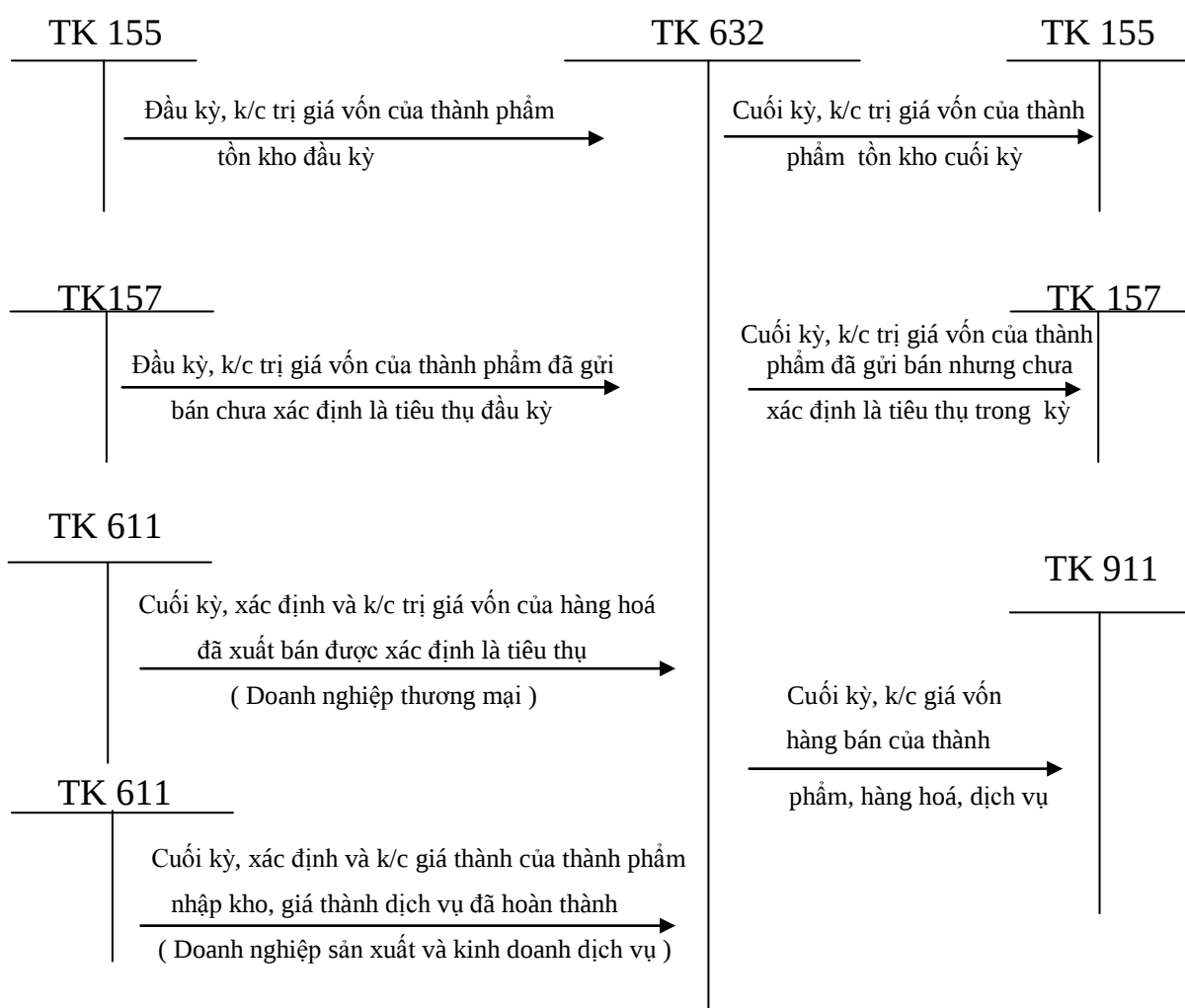
✓ Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán (Theo phương pháp kê khai thường xuyên) được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.3



✓ Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ) được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.4



1.2.4. Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

***) TK 641 : Chi phí bán hàng**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ

✓ Bên Có

Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 “ **Xác định kết quả kinh doanh**” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

✓ Tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng” có 7 tiểu khoản cấp 2:

- + TK 6411 : Chi phí nhân viên
- + TK 6412 : Chi phí vật liệu, bao bì
- + TK 6413 : Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6414 : Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6415 : Chi phí bảo hành
- + TK 6417 : Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418 : Chi phí bằng tiền khác.

✓ Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

***) TK642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong một kỳ hạch toán.

✓ Bên Nợ

- + Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ
- + Số dư phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả(Chênh lệch giữa số dư phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dư phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)
- + Dự phòng trợ cấp mất việc làm

✓ Bên Có

+ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi , dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dư phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dư phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

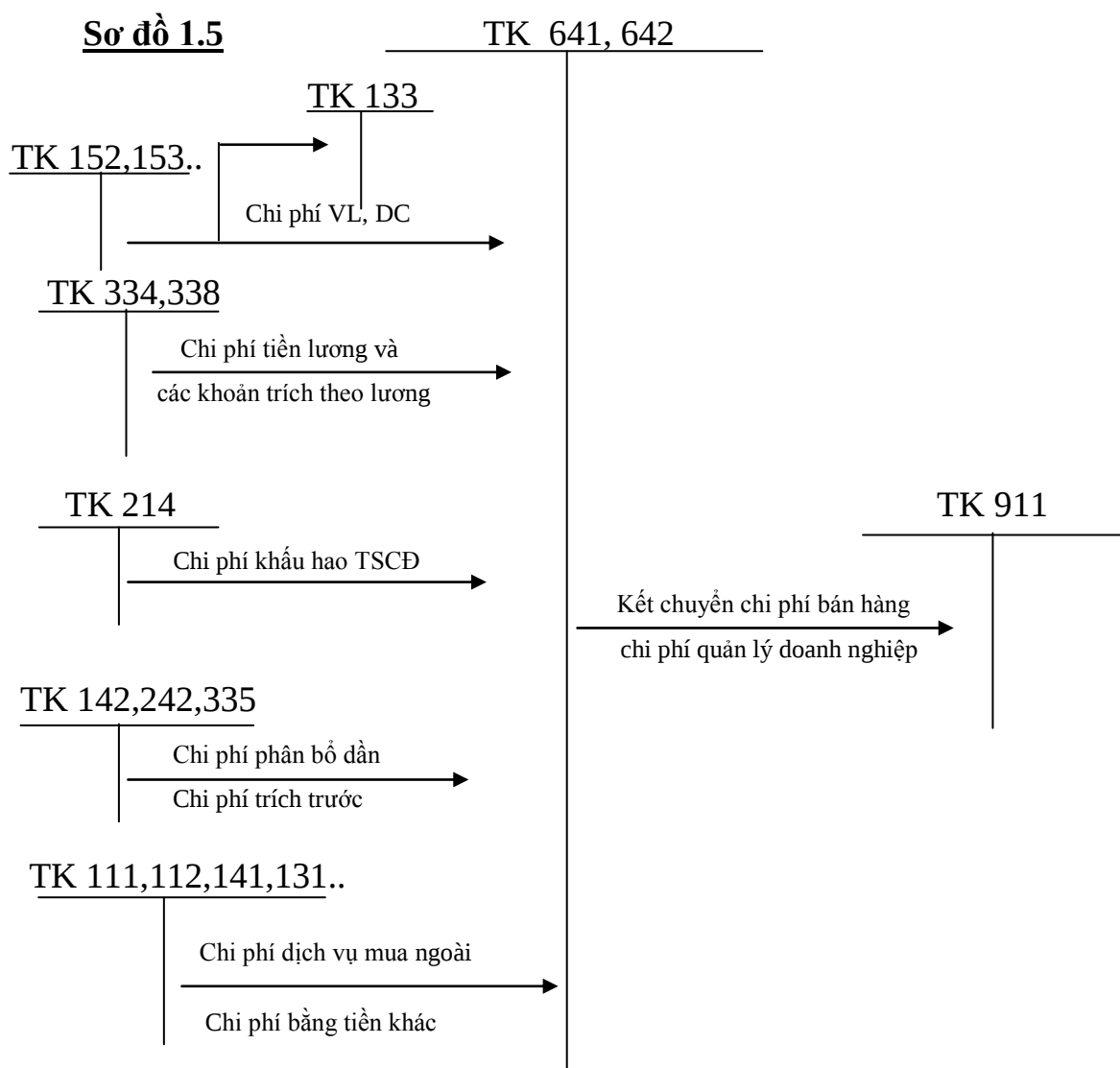
+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 “ **Xác định kết quả kinh doanh**”.

✓ Tài khoản 642 có 8 tiểu khoản cấp 2 :

- + TK6421 : Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422 : Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423 : Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424 : Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6425 : Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426 : Chi phí dự phòng
- + TK 6427 : Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428 : Chi phí bằng tiền khác.
- ✓ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ sau



1.2.5. Tổ chức kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng :***) TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ

- + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 “ **Xác định**

kết quả kinh doanh”.

✓ Bên Có

- + Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- + Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- + Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (Giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- + Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
- ✓ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

***) TK 635 : Chi phí tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính

✓ **Bên Nợ**

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- + Lỗ bán ngoại tệ
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã được thực hiện).
- + Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- + Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

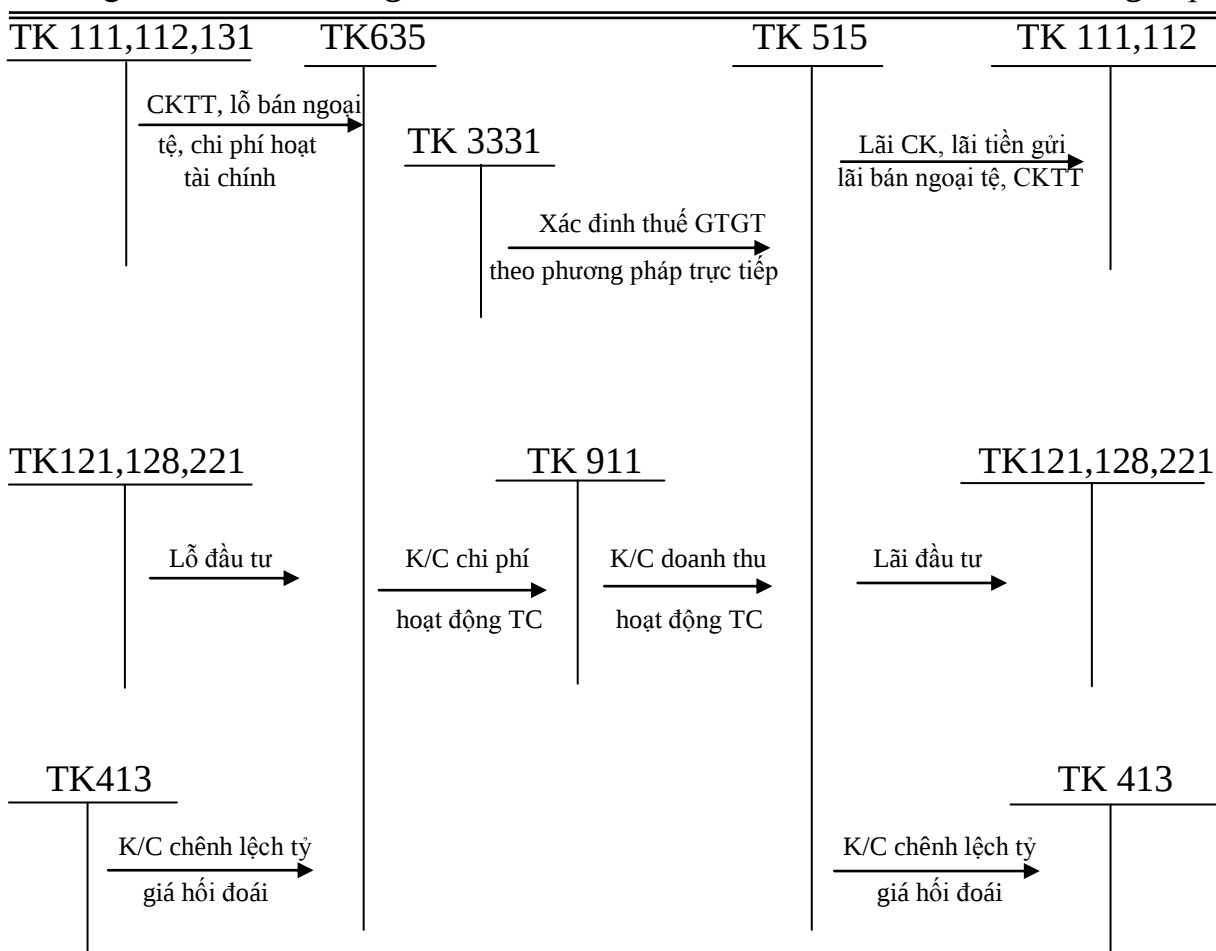
✓ **Bên Có**

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
 - + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- ✓ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát theo sơ đồ sau :

Sơ đồ 1.6 :



1.2.6. Tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

*) TK 711 : Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✓ Bên nợ

+ Số thuế GTGT phải nộp(nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “ **Xác định kết quả kinh doanh**”.

✓ **Bên Có**

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

✓ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

***) TK 811 : Chi phí khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✓ **Bên Nợ**

Các khoản chi phí khác phát sinh

✓ **Bên Có**

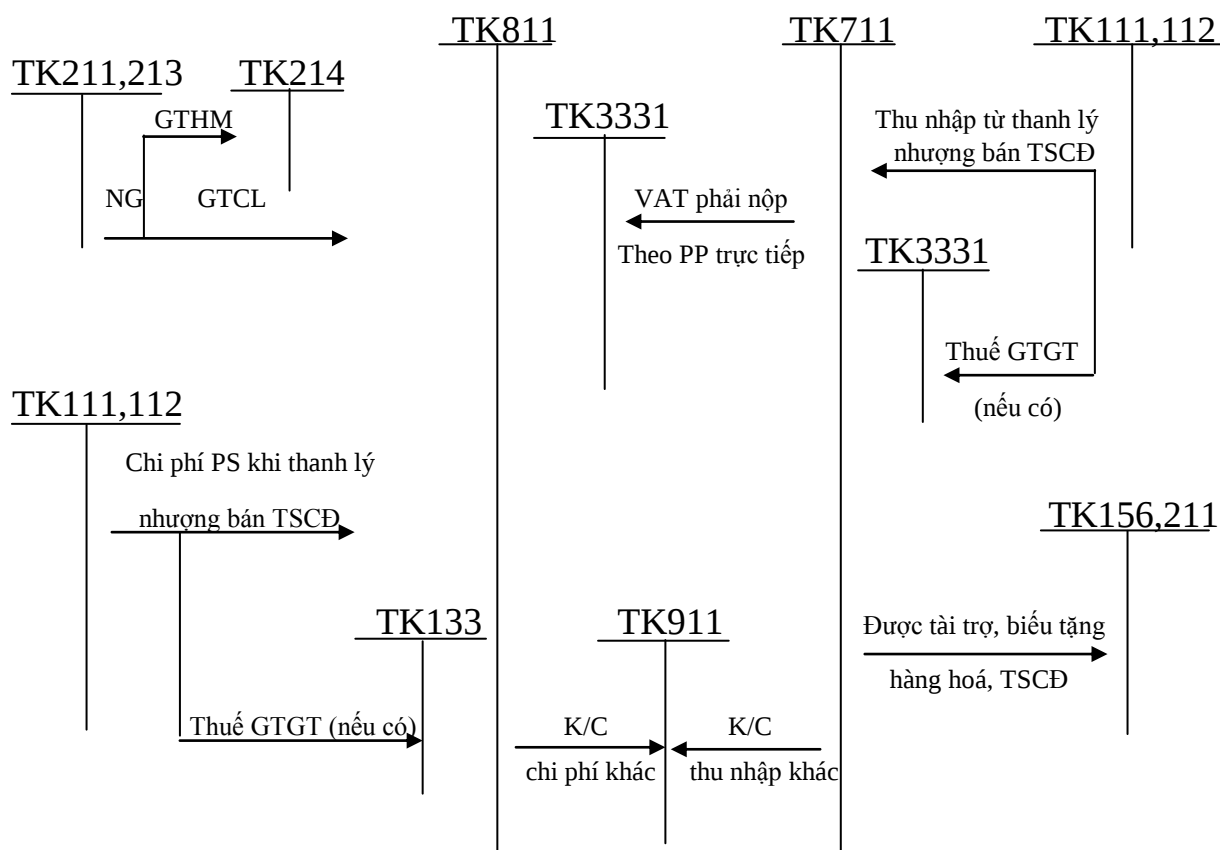
Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “ **Xác định kết quả kinh doanh**”.

✓ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ sau :

Sơ đồ 1.7:



1.2.7. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh**1.2.7.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng**TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

✓ Bên Nợ

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, BĐS đầu tư và dịch vụ đã bán .
- + Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Kết chuyển lãi

✓ Bên Có

- + Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ
- + DT HĐTC, các khoản TN khác và khoản ghi giảm CP thuế TNDN
- + Kết chuyển lỗ
- ✓ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Cách xác định kết quả kinh doanh như sau :

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
---	---	--	---	------------------------------

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán
---	---	---	---	------------------

Lợi nhuận thuần từ HĐ KD	=	Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí QLDN	-	Chi phí bán hàng
--------------------------	---	---	---	-------------------	---	--------------	---	------------------

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận khác
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

***) TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối**

✓ Bên Nợ

- + Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- + Trích lập các quỹ của doanh nghiệp
- + Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh

+ Bỏ sung nguồn vốn kinh doanh

+ Nộp lợi nhuận lên cấp trên

✓ Bên Có

- + Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của DN trong kỳ
- + Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- + Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

✓ TK 421 “ Lợi nhuận chưa phân phối ” có 2 tiểu khoản cấp 2 :

+ TK 4211 : Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

+ TK 4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

✓ TK 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có

+ Số dư bên Nợ là số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý

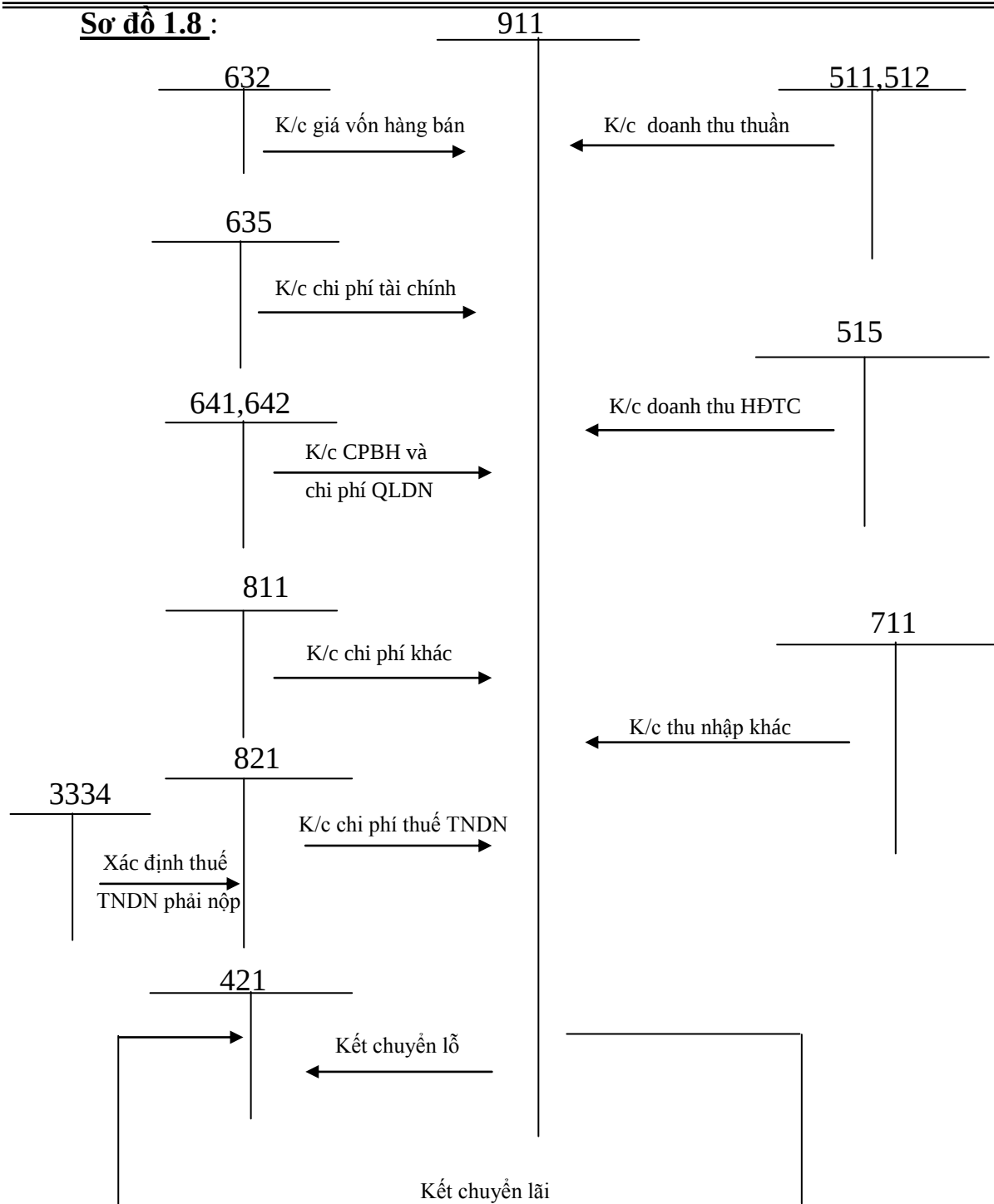
+ Số dư bên Có là số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

***) TK 821 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

1.2.7.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.8 :



CHƯƠNG II**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI****2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần xây lắp và thương mại****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần xây lắp và thương mại.**

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại tiền thân là đội điện của công ty Xây lắp hoá chất, được thành lập năm 1980 theo giấy phép của sở kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp, để phù hợp với sự phát triển và mở rộng năng lực sản xuất và cung cấp các thiết bị điện và các thiết bị PCCC hiện đại, phù hợp với sự phát triển của thành phố Hải Phòng và một số tỉnh miền bắc. Do vậy công ty Cổ phần xây lắp và thương mại được thành lập, đặt trụ sở tại 174 Lê Lợi - Quận Ngô Quyền- TP Hải Phòng và được UBND thành phố Hải Phòng - Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp giấy đăng ký kinh doanh số 0203000132, cấp ngày 25/12/2001. Với vốn điều lệ là 3.000.000.000 VNĐ cho công ty cổ phần xây lắp và thương mại với ngành nghề là tư vấn thiết kế cung cấp và lắp đặt các công trình điện, nước, PCCC, kết cấu thép.

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI**

Tên giao dịch : TRADING AND CONTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : TAC;JSC

Văn phòng giao dịch :

Địa chỉ : Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền-Hải Phòng

Điện thoại : 0313.760688

Fax : 0313.656333

E mail : quocduong@hn.vnn.vn

Tài khoản : 3409899 (Ngân hàng Thương mại Á Châu Hải Phòng)

Mã số thuế : 0200446641

Xưởng sản xuất và bảo trì thiết bị :

Địa chỉ : 14/103 Hạ Lý - Hồng Bàng - Hải Phòng

Điện thoại : 0313.669937

2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần xây lắp và thương mại

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại là một doanh nghiệp tư nhân, là đơn vị sản xuất kinh doanh có tư cách pháp nhân ,hạch toán kinh tế độc lập, quy trình sản xuất đơn giản, gọn nhẹ .

Để phát huy được sức mạnh của mình, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế nước nhà. Công ty ngày càng mở rộng quy mô sản xuất về cả mặt hàng lẫn số lượng tiêu thụ. Chính vì vậy, ngành nghề sản xuất kinh doanh của công ty rất đa dạng và phong phú, chủ yếu gồm :

- Thiết kế PCCC cho các công trình, dịch vụ thoả thuận thiết kế , dịch vụ giấy phép đủ điều kiện an toàn PCCC với cơ quan PCCC thành phố.
- Nhận thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị cho các hệ thống PCCC của công trình công nghiệp, dân dụng, kinh doanh xăng dầu, sản xuất giấy dếp xuất khẩu, sản xuất thép các loại.
- Ngoài ra công ty còn sản xuất, chế tạo mới các sản phẩm phục vụ chuyên ngành PCCC, bảo dưỡng, phục hồi các thiết bị PCCC đã qua sử dụng.
- Tư vấn thiết kế điện , nước cho các công trình dân dụng, công nghiệp.
- Nhận lắp đặt tất cả các công trình có hệ thống điện điều khiển.
- Nhận gia công chế tạo kết cấu về thép

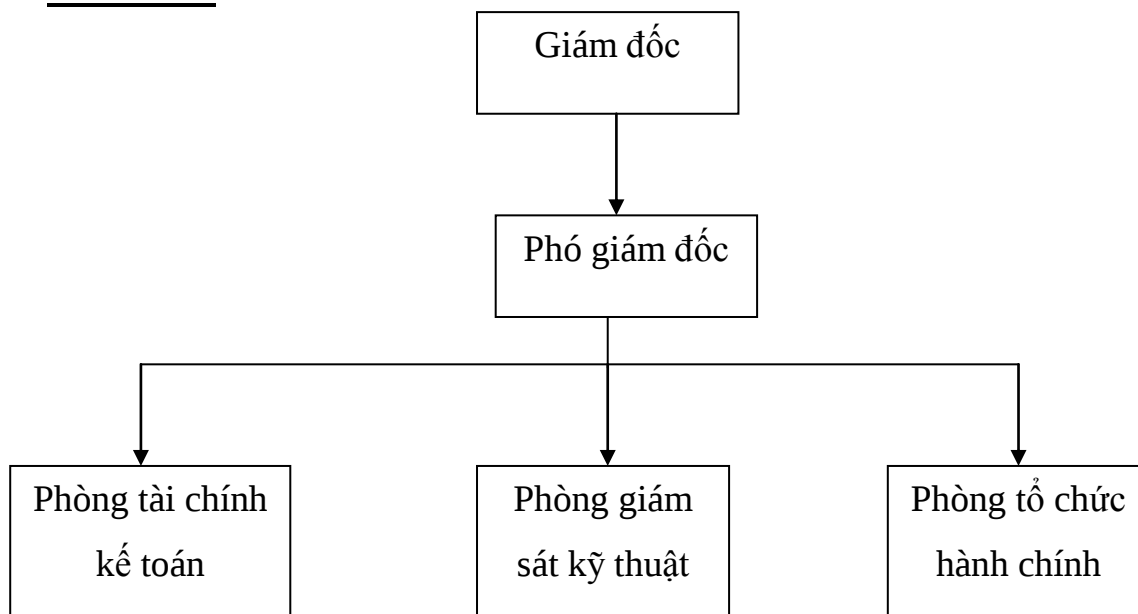
Trong quá trình thi công các công trình, công ty luôn kết hợp với phòng cảnh sát PCCC công an thành phố cùng giám sát chất lượng công trình, chất lượng vật tư cung cấp cho công trình, để khi hoàn thành công trình đạt được sự nhất trí cao của các bên tham gia nghiệm thu , đặc biệt là cơ quan cảnh sát PCCC và chủ đầu tư.

Trên thực tế, các công trình hệ thống PCCC mà công ty cung cấp , lắp đặt đều được chủ đầu tư, phòng cảnh sát PCCC công an thành phố và các ngành liên quan đánh giá công trình đạt chất lượng cao.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần xây lắp và thương mại.**2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý**

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần xây lắp và thương mại được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1 :

**2.1.3.2. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận**

- Giám đốc : Do hội đồng quản trị bổ nhiệm, nhiệm kỳ 3 năm, chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nghĩa vụ đối với Nhà nước. Là người điều hành quản lý công ty và các xưởng sản xuất, lãnh đạo quản lý chung mọi hoạt động của công ty.

- Phó giám đốc : do hội đồng quản trị bổ nhiệm có nhiệm vụ giúp đỡ giám đốc quản lý hoạt động của công ty.

- Phòng tài chính kế toán : Có chức năng, nhiệm vụ phản ánh với giám đốc tất cả các hoạt động của đơn vị gồm các tài sản vật tư hàng hoá, tiền vốn dưới hình thức tiền tệ. Trước khi báo cáo cấp trên phải làm tốt công tác hạch toán và căn cứ vào nhu cầu sản xuất xây dựng kế hoạch vốn cho sản xuất bao gồm vốn ngắn, trung và dài hạn. Tổ chức phân tích hoạt động kinh tế của từng bộ phận sản xuất trong năm để qua đó đề xuất biện pháp quản lý hợp lý và kịp thời, giúp ban lãnh đạo của công ty có được những quyết định chính xác trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Phòng giám sát kỹ thuật : kiểm tra, đôn đốc, giám sát quá trình sản xuất kinh doanh. Thu thập thông tin cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty, đồng thời tham gia đề nghị xử lý thông tin theo yêu cầu của sản xuất. Tính toán và xử lý các gói thầu trong xây dựng cơ bản của công ty, tính toán và phân tích các dự án đầu tư có hiệu quả, trình giám đốc phê duyệt để thực hiện các dự án đó khi thị trường đòi hỏi.

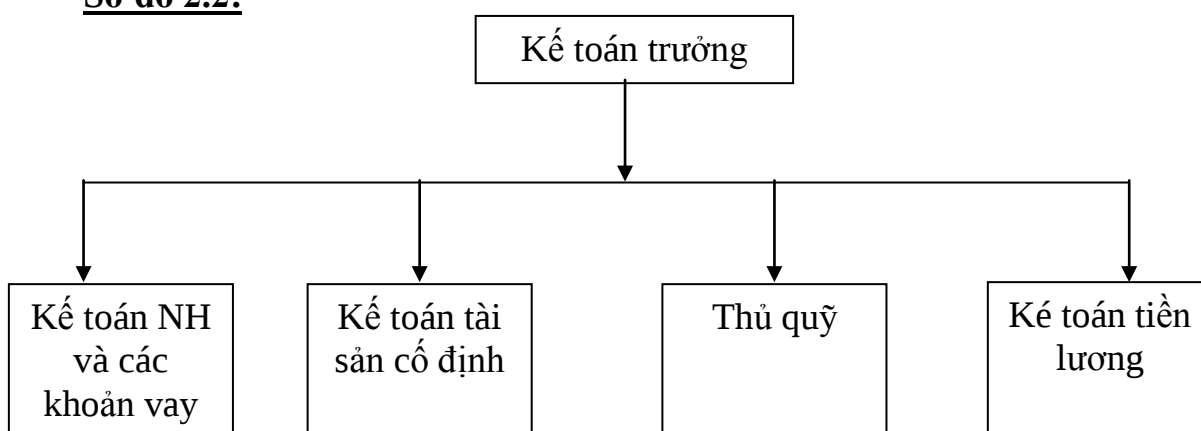
- Phòng tổ chức hành chính : giúp giám đốc xây dựng cơ cấu bộ máy của công ty, của các phân xưởng, các phòng ban một cách hợp lý và gọn nhẹ. Đề xuất xây dựng cơ cấu hoạt động và giám sát việc thực hiện cơ chế đó. Đồng thời phụ trách công việc đối nội và đối ngoại của toàn công ty.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại được khái quát qua sơ đồ sau :

Sơ đồ 2.2:



- Kế toán trưởng : là người chịu trách nhiệm trước ban giám đốc về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán của công ty, về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

- Kế toán ngân hàng và các khoản vay : chịu trách nhiệm thanh toán giao dịch với ngân hàng về các khoản vay, nợ, các khoản tiền gửi, chuyển tiền.

- Kế toán tài sản cố định : có trách nhiệm tính toán và phân bổ khấu hao các tài sản cố định trong công ty.

- Thủ quỹ : chịu trách nhiệm quản lý việc nhập xuất tiền mặt, hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tiền mặt thực tế tồn quỹ, đối chiếu với số liệu trên các sổ sách có liên quan.

- Kế toán tiền lương : có nhiệm vụ tính, thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp khác.

2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

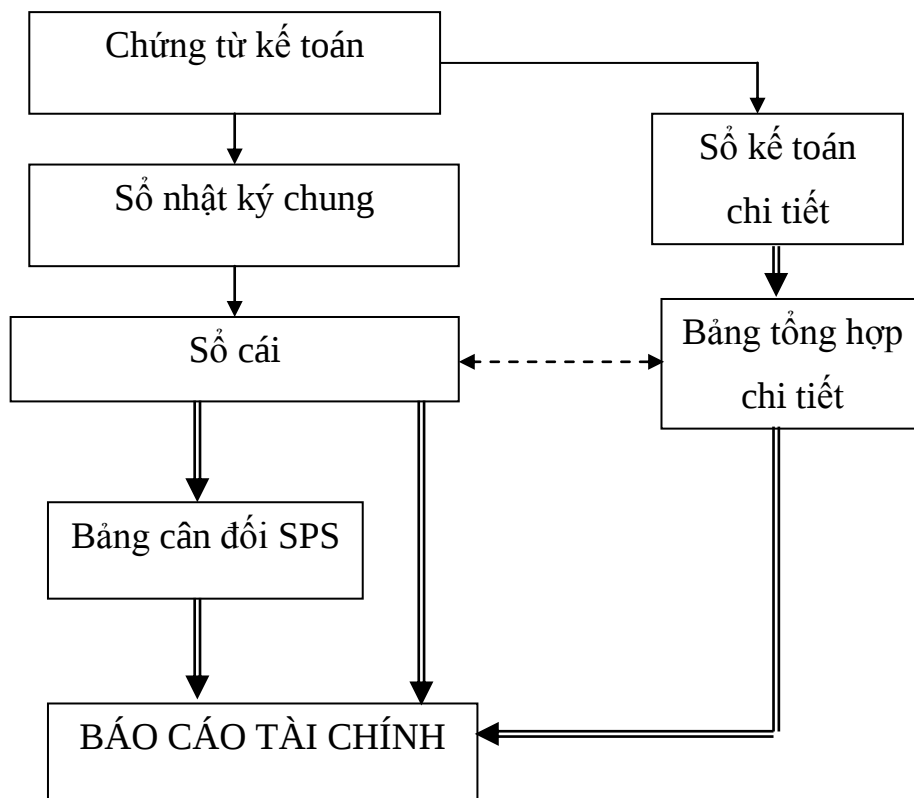
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại áp dụng hình thức kế toán “ **Nhật ký chung**” .Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung của công ty được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3



Chi chú :Ghi hàng ngày $\longrightarrow$ Ghi cuối tháng $\Longrightarrow$ Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán vào sổ cái các tài khoản. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ ghi vào sổ cái thì được dùng để ghi vào sổ kế toán chi tiết có liên quan

Cuối tháng, kế toán khoá sổ để tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng, căn cứ vào sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã đối chiếu chính xác, số liệu trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 dương lịch, kỳ kế toán được quy định là một quý.

Đơn vị tiền tệ sử dụng là VNĐ

Công ty tính khấu hao theo phương pháp khấu hao đều (tỷ lệ khấu hao do Bộ tài chính quy định), không có trường hợp khấu hao đặc biệt.

Công ty tính và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty cổ phần xây lắp và thương mại bao gồm :

Bảng cân đối kế toán	Mẫu số B01-DN
----------------------	---------------

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mẫu số B02-DN
--------------------------------------	---------------

Thuyết minh báo cáo tài chính	Mẫu số B09-DN
-------------------------------	---------------

Công ty lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp và thương mại.**2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại**

2.2.1.1. Nội dung của doanh thu tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Doanh thu chủ yếu của công ty cổ phần xây lắp và thương mại là từ các công trình lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Ngoài ra còn thu được từ hoạt động bán hàng, bán các loại thiết bị phòng cháy, chữa cháy. Công ty sử dụng phương thức tiêu thụ là bán hàng trực tiếp. Theo phương thức này, bên mua cử đại diện đến công ty ký hợp đồng, công ty căn cứ vào hợp đồng đó để có kế hoạch sản xuất và cung ứng kịp thời. Sau khi hoàn thành công trình, công ty tiến hành bàn giao cho bên mua và ghi nhận doanh thu, đồng thời ghi nhận giá vốn.

Công ty sử dụng phương thức thanh toán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Đối với phương thức thanh toán bằng tiền mặt. Hàng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán viết hoá đơn GTGT. Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 màu tím để lưu, liên 2 màu đỏ giao cho khách hàng, liên 3 màu xanh dùng để hạch toán nội bộ.

Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết Phiếu thu, phiếu thu viết làm 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 để lưu, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

Đối với phương thức thanh toán qua tiền gửi ngân hàng. Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán nhận được Giấy báo có kèm theo Sổ phụ của ngân hàng và tiến hành ghi nhận doanh thu, đồng thời ghi nhận giá vốn tương ứng.

2.2.1.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng :

- + Phiếu xuất kho
- + Hoá đơn GTGT (hoá đơn bán hàng)
- + Phiếu thu
- + Một số chứng từ khác có liên quan

- Tài khoản sử dụng :

- + TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- + TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính
- + TK 711 : Thu nhập khác
- + TK 111 : Tiền mặt

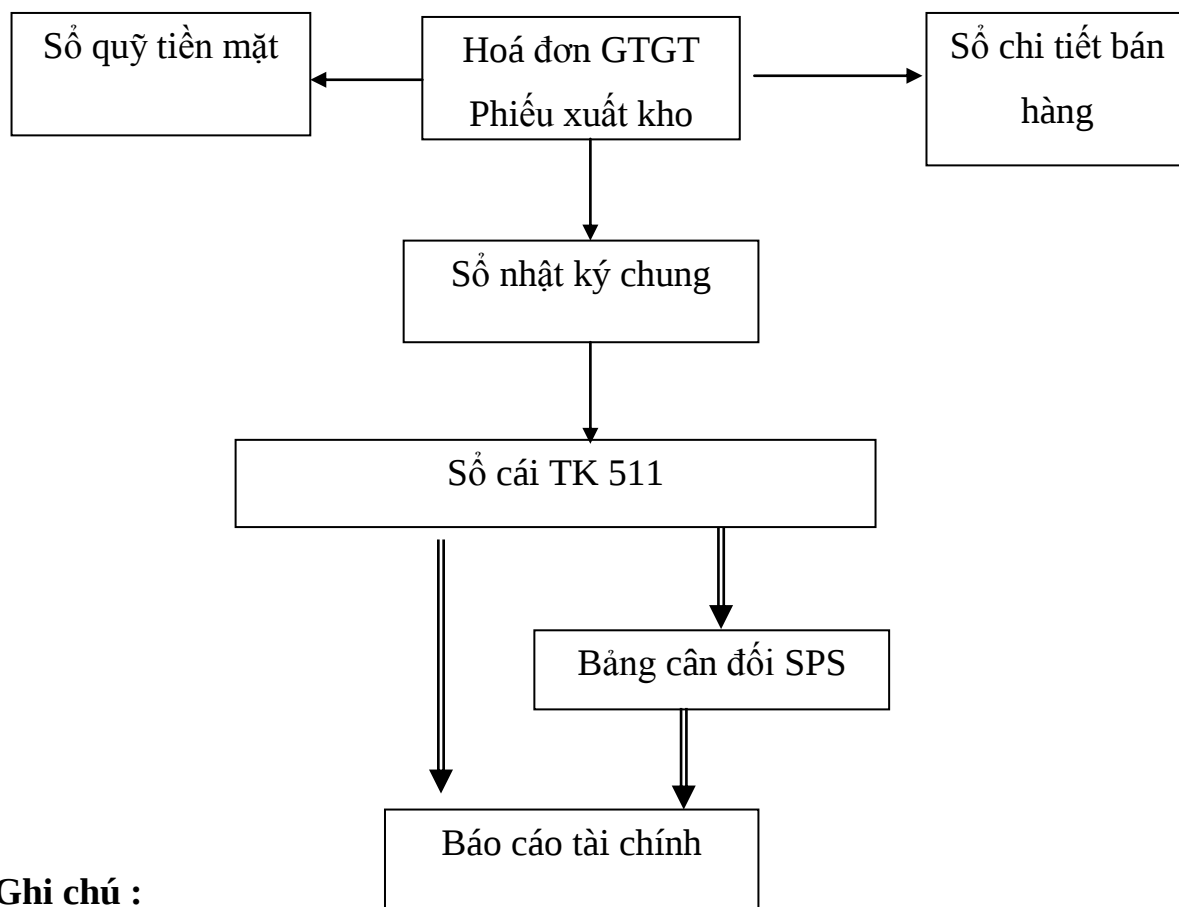
+ TK 112 : Tiền gửi ngân hàng

+ TK 3331 : Thuế giá trị gia tăng phải nộp

2.2.1.3. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Quy trình hạch toán doanh thu tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại được khái quát qua sơ đồ sau :

Sơ đồ 2.4



Ghi chú :

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi định kỳ $\Longrightarrow$

2.2.1.4. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1 : Ngày 10 tháng 12 năm 2008, công ty bán cho công ty Cổ Phần Minh đạt một số thiết bị dùng cho lắp đặt hệ thống báo cháy . Tổng giá bán chưa VAT là 4.020.000đ. Công ty đã thanh toán số tiền trên bằng tiền mặt

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán viết Phiếu thu số PT 230 (Biểu số 2.1), Hoá đơn GTGT Ký hiệu MV/2008B số 046825 (Biểu số 2.2). Kế toán vào Sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 2.4) để phản ánh số tiền bán hàng thu được,

Số chi tiết bán hàng (Biểu số 2.5), Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6) và Sổ cái TK 511(Biểu số 2.7), Sổ cái TK 333 (Biểu số 2.8)

Ví dụ 2 : Ngày 25/12/2008, Công ty bàn giao hạng mục công trình phòng cháy chữa cháy (hạng mục 125), hạng mục này được khởi công từ ngày 15/11/2008, tiến hành bàn giao ngày 25/12/2008 từ Công ty trách nhiệm hữu hạn Sao Mai, số tiền 85.000.000 (Chưa VAT 10%). Công ty Sao Mai chưa thanh toán số tiền trên.

Căn cứ vào hoá đơn số 046833 (Biểu số 2.9), kế toán vào sổ nhật ký chung và Sổ cái TK 511, Sổ cái TK 333

Công ty cổ phần xây lắp & thương mại
Số 174-Lê Lợi- NQ-Hải Phòng

Mẫu số C30-BB
Quyển số : Q8
Số : PT 230
Nợ TK111 : 4.422.000
Có TK511 : 4.020.000
Có TK 3331 : 402.000

PHIẾU THU

Ngày 10 tháng 12 năm 2008

Họ tên người nộp tiền : Nguyễn Thị Thuỷ

Địa chỉ : Công ty cổ phần Minh Đạt

Lý do nộp : Thanh toán tiền mua vật tư

Số tiền : 4.422.000 (Viết bằng chữ) : Bốn triệu, bốn trăm hai mươi tư nghìn đồng chẵn

Kèm theo :

Chứng từ kế toán :

Ngày 10 tháng 12 năm 2008

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán

Người nộp

Thủ quỹ

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Bốn triệu, bốn trăm hai mươi tư nghìn đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) :

+ Số tiền quy đổi :

Biểu số 2.1

Mẫu số : 01 GTKT-3LL
MV/2008B
0046825

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3 : Nội bộ

Ngày 10 tháng 12 năm 2008

Đơn vị bán hàng : Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Địa chỉ : Số 174 – Lê Lợi – Ngô Quyền - Hải Phòng

Số tài khoản : 3409899

Điện thoại : 0313.760.688

Họ tên người mua hàng : Nguyễn Thị Thuỷ

Tên đơn vị : Công ty cổ phần Minh Đạt

Địa chỉ : Số 125/85 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Số tài khoản : 2563955

Hình thức thanh toán : Tiền mặt

MS : 03550006587

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đầu báo nhiệt	Bộ	02	215.000	430.000
2	Đầu báo khói	Bộ	02	280.000	560.000
3	Đèn báo cháy	Cái	03	340.000	1.020.000
4	Chuông báo cháy	Cái	02	260.000	520.000
5	Loa báo cháy	Cái	02	370.000	740.000
6	Nút ấn báo cháy	Cái	03	250.000	750.000

Cộng tiền hàng : 4.020.000

Thuế suất GTGT : 10%

Tiền thuế GTGT :

402.000

Tổng cộng tiền thanh toán:

4.422.000

Số tiền viết bằng chữ : Bốn triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Biểu số 2.2

Mẫu số : 01 GTKT-3LL
MV/2008B
0046833

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3 : Nội bộ

Ngày 25 tháng 12 năm 2008

Đơn vị bán hàng : Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Địa chỉ : Số 174 – Lê Lợi – Ngô Quyền - Hải Phòng

Số tài khoản : 3409899

Điện thoại : 0313.760.688

Họ tên người mua hàng : Phạm Sỹ Hưng

Tên đơn vị : Công ty TNHH Sao Mai

Địa chỉ : Số 125- Ngô Gia Tự- Hải An - Hải Phòng

Số tài khoản : 861584

Hình thức thanh toán : Tiền gửi ngân hàng

MS : 0520008653

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	HM CT 125	Cái	01	85.000.000	85.000.000

Cộng tiền hàng : 85.000.000

Thuế suất GTGT : 10%

Tiền thuế GTGT : 8.500.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 93.500.000

Số tiền viết bằng chữ : Chín mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Biểu số 2.9

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT
Loại quỹ : Tiền Việt Nam
Năm : 2008

Đơn vị tính : Đồng

NT ghi số	NT chứng từ	SH chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
							
				Tháng 12/2008			214.563.935
03/12	03/12	PT229		Thu tiền bán lẻ hàng hoá	2.600.000		217.163.935
05/12	05/12		PC225	Trả tiền mua VPP		1.500.000	215.663.935
10/12	10/12	PT230		Bán hàng cho Cty CP Minh Đạt	4.422.000		
26/12	26/12		PC240	Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Hải		2.000.000	213.663.935
27/12	27/12		PC241	Thanh toán tiền điện thoại T 12		389.623	213.274.312
27/12	27/12	PT239		Bán hàng cho Cty TNHH Trung Kiên	2.649.823		
							
				Cộng	15.683.963	9.759.685	
				SDCK			220.488.213

Thủ quỹ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu số 2.4 : Trích sổ quỹ tiền mặt năm 2008

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK : 511

Tên sản phẩm : Dầu báo nhiệt

NT ghi sổ	Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Doanh thu			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
			Tháng 12/2008					
10/12	HĐ046825	10/12	Bán hàng cho Cty Minh Đạt	111	02	215.000		430.000
15/12	HĐ046826	15/12	Bán lẻ hàng hoá	111	01	215.000		215.000
27/12	HĐ046830	27/12	Bán hàng cho Cty TNHH Trung Kiên	111	04	215.000		860.000
								
			Cộng					2.290.000

Biểu số 2.5 : Trích sổ chi tiết bán hàng tháng 12/2008

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm : 2008

Đơn vị tính : Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
							
06/01	PC01	06/01	Thưởng cho nhân viên	334	111	10.500.000	10.500.000
08/01	PT01	08/01	Bán lẻ hàng hoá thu bằng tiền mặt	111	511	5.600.000	5.600.000
			Thuế GTGT đầu ra	111	3331	560.000	560.000
							
02/12	HĐ046820	02/12	BV Việt Tiệp trả tiền lắp đặt hệ thống PCCC	112	511	50.000.000	50.000.000
			Thuế GTGT đầu ra	112	3331	5.000.000	5.000.000
03/12	PX06	03/12	Trị giá vốn	632	156	4.235.500	4.235.500
10/12	HĐ046825	10/12	Bán hàng cho công ty Minh Đạt thu bằng TM	111	511	4.020.000	4.020.000
			Thuế GTGT đầu ra	111	3331	402.000	402.000
10/12	PX09	10/12	Trị giá vốn của hàng hóa	632	156	3.767.362	3.767.362
25/12	HĐ046833	25/12	Bàn giao HM công trình 125 cho Cty Sao Mai	131	511	85.000.000	85.000.000
			Thuế GTGT đầu ra	112	3331	8.500.000	8.500.000
25/12	PX15	25/12	Trị giá vốn công trình 125	632	154	70.128.672	70.128.672
31/12	PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	136.235.245	136.235.245
							
			Tổng cộng			2.956.847.369	2.956.847.369

Biểu số 2.6 : Trích sổ nhật ký chung năm 2008

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu TK : 511

Năm : 2008

Đơn vị tính : Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
						
			<u>Tháng 12/2008</u>			
10/12	HĐ046825	10/12	Bán hàng cho Cty Minh Đạt thu bằng TM	111		4.020.000
15/12	HĐ046826	15/12	Bán lẻ vật tư thu bằng TM	111		215.000
16/12	HĐ046827	16/12	Bán hàng cho Cty Đức Thi thu bằng TM	111		560.000
16/12	HĐ046828	16/12	Bán lẻ thu bằng TM	111		260.000
16/12	HĐ046829	16/12	Bán lẻ vật tư thu bằng TM	111		370.000
20/12	HĐ046830	20/12	Bán hàng cho Cty Mai Phương	111		500.000
25/12	HĐ046833	25/12	Bàn giao HM CT 125 cho Cty Sao Mai	131		85.000.000
						
31/12	PKT 01	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	911	136.235.245	
			Cộng phát sinh tháng 12/2008		136.235.245	136.235.245
			Số dư cuối năm			—

Biểu số 2.7: Trích sổ cái TK 511

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK : Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Số hiệu TK : 333

Năm : 2008

Đơn vị tính : Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
						
			Số dư đầu năm			9.386.572
			Tháng 12/2008			
10/12	HĐ046825	10/12	Thuế GTGT phải nộp	111		402.000
15/12	HĐ046826	15/12	Thuế GTGT phải nộp	111		21.500
16/12	HĐ046827	16/12	Thuế GTGT phải nộp	111		56.000
16/12	HĐ046828	16/12	Thuế GTGT phải nộp	111		26.000
16/12	HĐ046829	16/12	Thuế GTGT phải nộp	111		37.000
20/12	HĐ046830	20/12	Thuế GTGT phải nộp	111		50.000
25/12	HĐ046833	25/12	Thuế GTGT phải nộp	131		8.500.000
						
31/12	PKT 07	31/12	Xác định thuế TNDN quý IV	821		19.378.946
			Số dư cuối năm			31.819.807

Biểu số 2.8: Trích sổ cái TK 333

2.2.2. Giá vốn hàng bán

2.2.2.1. Nội dung của giá vốn hàng bán tại công ty CP xây lắp và thương mại

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Công ty không tính giá vốn cho từng loại mặt hàng và tính theo từng công trình. Ngay sau khi gia công sản phẩm hoàn thành công ty tiến hành xuất bán ngay không qua kho.

Khi giao hàng kế toán chỉ ghi nhận doanh thu mà không ghi nhận ngay giá vốn, khi công trình hoàn thành quyết toán thì kế toán mới ghi nhận giá vốn

2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

*) Chứng từ sử dụng : Hoá đơn GTGT, Phiếu xuất kho

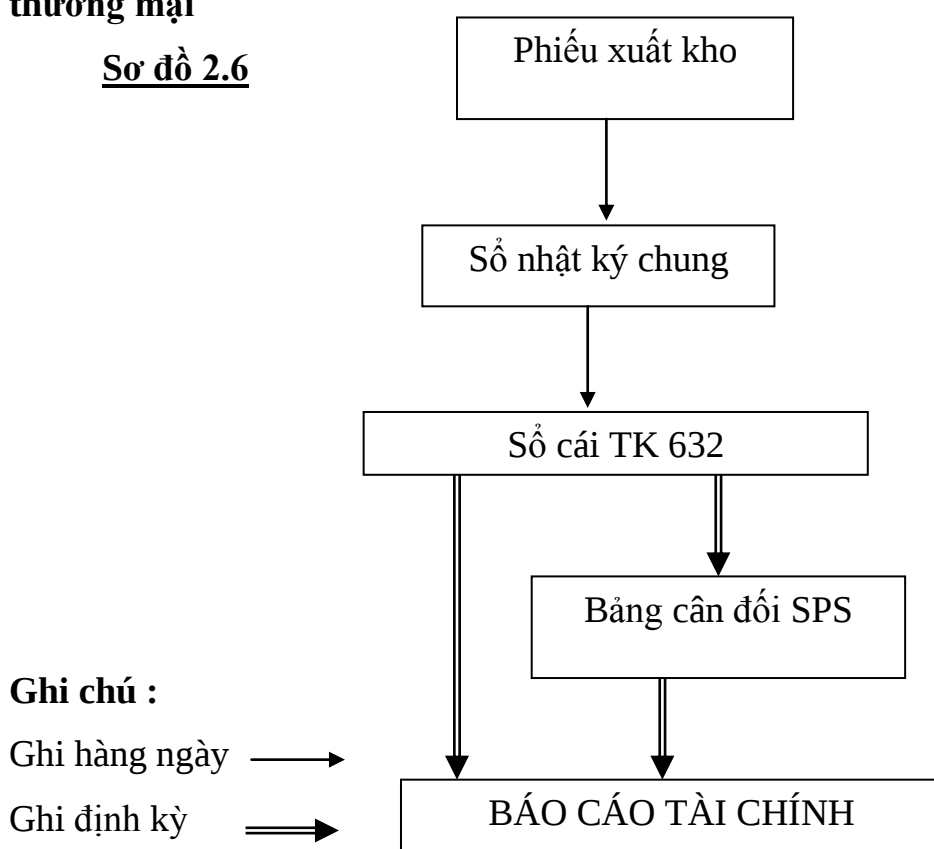
*) Tài khoản sử dụng

- TK 632: Giá vốn hàng bán

- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

2.2.2.3. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Sơ đồ 2.6



2.2.2.4. Ví dụ minh họa

Lấy tiếp ví dụ phần doanh thu bán hàng : Cùng với việc ghi nhậ doanh thu bán hàng, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng xuất bán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Từ phiếu xuất kho số 09 (Biểu số 2.9), kế toán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6) và sổ cái TK 632 (Biểu số (Biểu số 2.10).

Công ty cổ phần xây lắp & thương mại

Số 174-Lê Lợi- NQ-Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2008

Số : 09

Họ tên người nhận hàng : Chị Thuỷ

Địa chỉ : Công ty cổ phần Minh Đạt

Lý do xuất kho : Xuất bán.

Xuất tại kho : Kho số 1

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Đầu báo nhiệt	ĐBN	Bộ	02	02	198.200	396.400
2	Đầu báo khói	ĐBK	Bộ	02	02	261.527	523.054
3	Đèn báo cháy	ĐBC	Cái	03	03	319.957	959.871
4	Chuông báo cháy	CBC	Cái	02	02	241.325	482.650
5	Loa báo cháy	LBC	Cái	02	02	354.716	709.432
6	Nút ấn báo cháy	NBC	Cái	03	03	231.985	695.955
	Cộng						3.767.362

Tổng số tiền (viết bằng chữ) : Ba triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng.

Số chứng từ kèm theo

Ngày 10 tháng 12 năm 2008

Người lập

Người nhận hàng

Thủ kho

Thủ trưởng đơn vị

Biểu số 2.9

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK : Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK :632

Năm : 2008

Đơn vị tính : Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Tháng 12/2008</u>			
						
10/12	HĐ046825	10/12	Phiếu xuất kho cho HĐ046825	156	3.767.362	
15/12	HĐ046826	15/12	Phiếu xuất kho cho HĐ046826	156	163.421	
16/12	HĐ046827	16/12	Phiếu xuất kho cho HĐ046827	156	430.000	
16/12	HĐ046828	16/12	Phiếu xuất kho cho HĐ046828	156	231.521	
16/12	HĐ046829	16/12	Phiếu xuất kho cho HĐ046829	156	330.522	
20/12	HĐ046830	20/12	Phiếu xuất kho cho HĐ046830	156	421.865	
25/12	HĐ046833	25/12	Kết chuyển giá vốn công trình 125	154	70.128.672	
						
31/12	PKT05	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		99.568.692
			Số dư cuối năm			—

Biểu số 2.10 : Trích sổ cái TK 632

2.2.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.1. Nội dung của chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Chi phí QLDN là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Chi phí QLDN cao hay thấp đều ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của đơn vị. Vì vậy công ty phải giảm thiểu chi phí QLDN tới mức có thể góp phần làm tăng lãi.

2.2.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

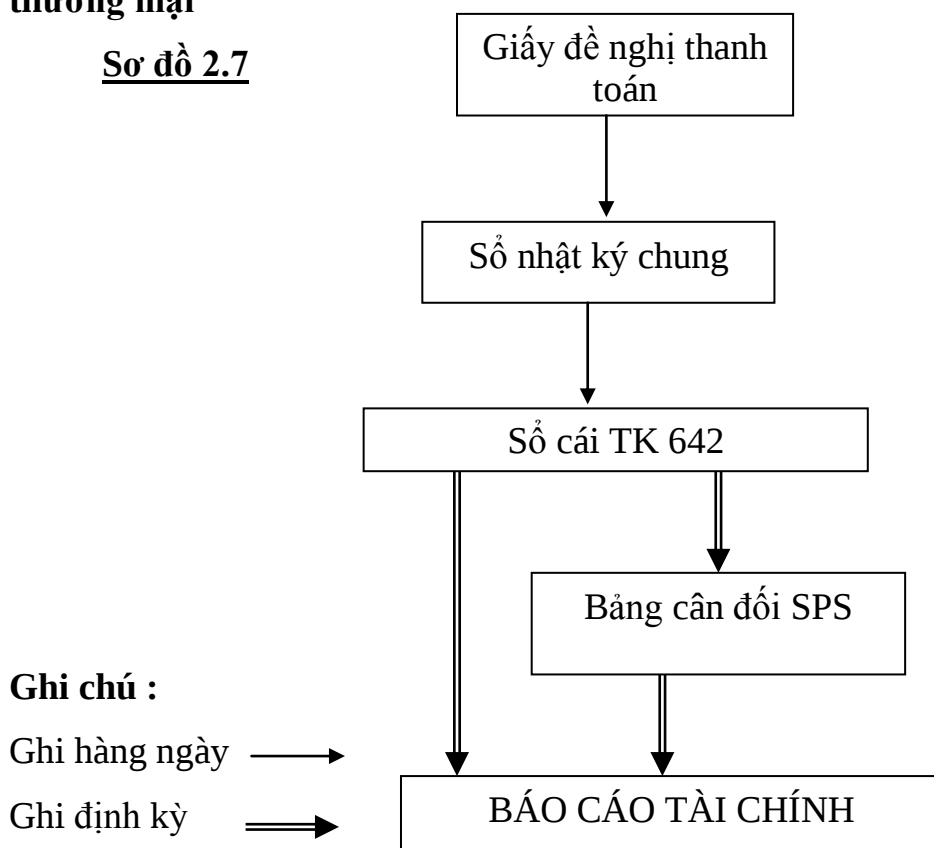
*) Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, Phiếu chi
- Bảng phân bổ tiền lương bộ phận hành chính
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ...

*)Tài khoản sử dụng : Tài khoản 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.3. Quy trình hạch toán chi phí QLDN tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Sơ đồ 2.7



2.2.3.4. Ví dụ minh họa

Ngày 25/12/2008, thanh toán tiền tiếp khách cho ông Trần Văn Hải, nhân viên phòng hành chính, số tiền 1.995.000đ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập _ Tự do _ Hạnh phúc**

-----***-----

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi : Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Tên tôi là : Trần Văn Hải

Địa chỉ : Phòng hành chính công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Kính đề nghị giám đốc duyệt chi các khoản chi phí sau :

STT	Ngày tháng	Diễn giải	Tiền hàng	Tiền thuế	Tổng tiền	Ghi chú
1	25/12/2008	Chi tiền tiếp khách	1.900.000	95.000	1.995.000	
		Cộng	1.900.000	95.000	1.995.000	

Bằng chữ : Một triệu chín trăm chín mươi năm nghìn đồng

Hải Phòng, ngày 26 tháng 12 năm 2008

GIÁM ĐỐC DUYỆT**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ****Biểu số 2.11 : Giấy đề nghị thanh toán**

Mẫu số : 01 GTKT-3LL MV/2008B 0046834					
HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2 : Giao cho khách hàng Ngày 25 tháng 12 năm 2008					
Đơn vị bán hàng : Khách sạn Quốc Long Địa chỉ : Số 586 Lạch Tray- Ngô Quyền- Hải Phòng Số tài khoản : Điện thoại : 031.3728729					
Họ tên người mua hàng : Trần Văn Hải Tên đơn vị : Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Địa chỉ : Số 174 – Lê Lợi – Ngô Quyền - Hải Phòng Số tài khoản : 3409899 Hình thức thanh toán : Tiền mặt MS : 0203000132					
STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Tiếp khách		01	1.900.000	1.900.000
Cộng tiền hàng					1.900.000
Thuế suất GTGT : 5%			Tiền thuế GTGT :		95.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.995.000
Số tiền viết bằng chữ : Một triệu chín trăm chín mươi năm nghìn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Biểu số 2.12 : Hoá đơn GTGT mua hàng

Công ty cổ phần xây lắp & thương mại
Số 174-Lê Lợi- NQ-Hải Phòng

Mẫu số C30-BB
 Quyền số : Q9
 Số : PC 240
 Nợ TK642 : 1.995.000
 Có TK111 : 1.995.000

PHIẾU CHI

Ngày 26 tháng 12 năm 2008

Họ tên người nhận tiền : Trần Văn Hải

Địa chỉ : Phòng hành chính Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Lý do chi : Chi tiền tiếp khách tại khách sạn Quốc Long

Số tiền : 1.995.000 (Viết bằng chữ) : Một triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng

Kèm theo :

Chứng từ kế toán :

Ngày 26 tháng 12 năm 2008

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán

Người nộp

Thủ quỹ

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Một triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) :

+ Số tiền quy đổi :

Biểu số 2.13

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm : 2008

Đơn vị tính : Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
							
24/08	PC 48	24/08	Trả tiền điện	642	111	200.458	200.458
25/08	PC49	25/08	Trả tiền nước máy	642	111	300.521	300.521
02/09	PC50	02/09	Thanh toán tiền tổ chức hội nghị	642	111	500.000	500.000
							
09/12	HD046824	09/12	Công ty TNHH Hải Hào thanh toán tiền	112	511	60.000.000	60.000.000
			Thuế GTGT đầu ra	112	3331	6.000.000	6.000.000
							
25/12	PC 240	25/12	Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Hải	642	111	1.995.000	1.995.000
31/12	PKT02	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	524.352	524.352
31/12	PKT03	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	1.950.000	1.950.000
			Tổng cộng			2.956.847.369	2.956.847.369

Biểu số 2.14 : Trích sổ nhật ký chung năm 2008

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu TK : 642

Năm : 2008

Đơn vị tính : đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			<u>Tháng 12/2008</u>			
26/12	PC240	26/12	Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Hải	111	1.995.000	
27/12	PC 241	27/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 12	111	389.623	
28/12	PC 242	28/12	Thanh toán tiền nước tháng 12	111	225.332	
						
31/12	PKT06	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		3.597.985
			Cộng phát sinh tháng 12/2008		3.597.985	3.597.985
			Số dư cuối năm		—	

Biểu số 2.15 : Trích sổ cái TK 642

2.2.4. Doanh thu hoạt động tài chính**2.2.4.1. Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại**

Công ty chỉ chú trọng vào việc sản xuất và xây dựng các công trình nên trong quá trình hoạt động công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh... Công ty chỉ tranh thủ lúc vốn nhàn rồi gửi vào ngân hàng. Vì vậy doanh thu hoạt động tài chính của công ty chỉ phát sinh do các khoản lãi nhận từ ngân hàng.

2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

*) Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu

*) Tài khoản sử dụng

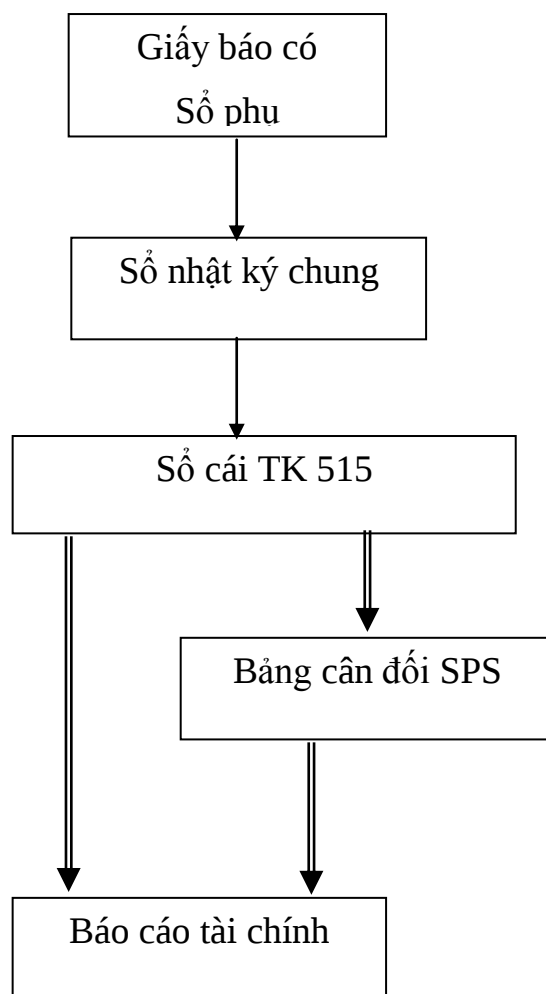
- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.4.3. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán có liên quan để ghi sổ Nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi sổ cái TK 515

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại được khái quát qua sơ đồ sau :

Sơ đồ 2.5:



Ghi chú :

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi định kỳ $\Longrightarrow$

2.2.4.4. Ví dụ minh họa

Ngày 25/12/2008, công ty nhận được Giấy báo có của ngân hàng Thương mại Á Châu về lãi tiền gửi được hưởng, số tiền 524.352 đ

Kế toán căn cứ vào Giấy báo có của ngân hàng (Biểu số 2.16), kèm theo sổ phụ (Biểu số 2.17) để ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.18), đồng thời kế toán ghi sổ cái TK 515 (Biểu số 2.19)

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU

ASIA COMMERCIAL BANK

SỔ PHỤ VND

Số : 03

Ngày : 25/12/2008

Tài khoản : 3409899

CTY CP XÂY LẮP & THƯƠNG MẠI

DIỄN GIẢI

GHI NỢ

GHI CÓ

Số dư đầu ngày

105.125.221

LÃI NHẬP TIỀN GỬI

Tổng phát sinh ngày

0

524.352

Số dư cuối ngày

105.649.573

SỔ PHỤ

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.17

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU

Mã GDV : BATCH

ASIA COMMERCIAL BANK

Mã KH : 10367

GIẤY BÁO CÓ

Số GD : 0

Ngày 25/12/2008

Kính gửi : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ : 3409899

Số tiền bằng số : 524.352

Số tiền bằng chữ : [+] Năm trăm hai mươi tư nghìn ba trăm

năm mươi hai VNĐ

Nội dung : ## LÃI NHẬP GỐC ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.16

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm : 2008

Đơn vị tính : Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
							
07/02	PC11	07/02	DN Đức Thịnh tạm ứng tiền	111	131	5.000.000	5.000.000
10/02	PT15	10/02	Bán lẻ hàng hoá thu bằng tiền mặt	111	511	900.000	900.000
			Thuế GTGT đầu ra	111	3331	90.000	90.000
							
02/12	HĐ046820	02/12	Nhận tiền lắp đặt hệ thống chữa cháy của bệnh viện Việt Tiệp	112	511	50.000.000	50.000.000
			Thuế GTGT đầu ra	112	3331	5.000.000	5.000.000
15/11	PC210	15/11	Thanh toán tiền lương cho nhân viên	334	111	18.360.865	18.360.865
17/11	PT238	17/11	Hoàn nhập tạm ứng cho nhân viên đi công tác	111	141	850.000	850.000
							
25/12	GBC	25/12	Nhận lãi tiền gửi từ ngân hàng	112	515	524.352	524.352
31/12	PKT02	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	524.352	524.352
			Tổng cộng			2.956.847.369	2.956.847.369

Biểu số 2.18 : Trích sổ nhật ký chung năm 2008

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK : Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK : 515

Năm : 2008

Đơn vị tính : Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			<u>Tháng 12/2008</u>			
25/12	GBC	25/12	Nhận lãi tiền gửi từ ngân hàng	112		524.352
31/12	PKT02	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	911	524.352	
			Cộng phát sinh tháng 12/2008		524.352	524.352
			Số dư cuối năm			—

Biểu số 2.19 : Trích sổ cái TK 515

2.2.5. Thu nhập khác và chi phí khác

2.2.5.1. Nội dung của thu nhập khác và chi phí khác tại công ty CP xây lắp và thương mại

Thu nhập khác và chi phí khác của công ty chủ yếu phát sinh từ các hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

2.2.5.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

*) Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán

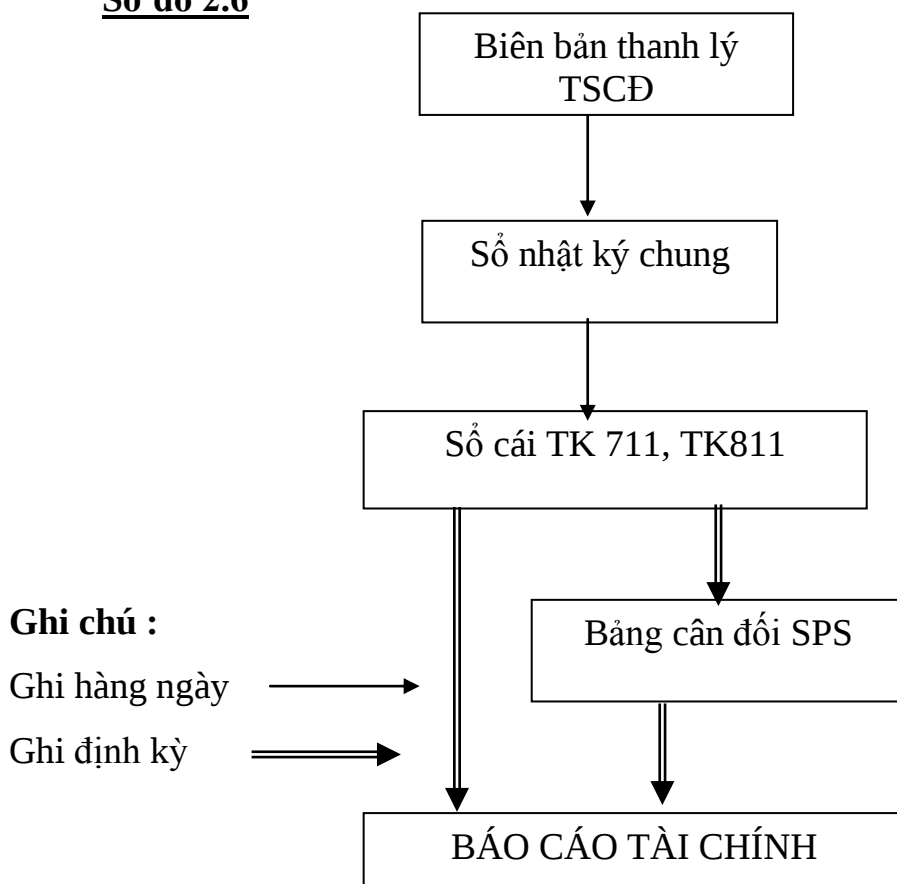
*) Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711: Thu nhập khác
- Tài khoản 811 : Chi phí khác ...

2.2.5.3. Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty CP xây lắp và thương mại

Quy trình hạch toán thu nhập khác tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại được khái quát qua sơ đồ sau :

Sơ đồ 2.6



2.2.5.4. Ví dụ minh họa

Ngày 30 tháng 12 năm 2008, nhượng bán máy bơm nước chữa cháy động cơ điện ($Q=55\text{m}^3/\text{h}$, $H=48\text{m}$, $N=11\text{kw/h}$), số tiền thu được là 1.950.000 đ (chưa VAT 10%), công ty đã nhận bằng tiền mặt.

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Mẫu số : 03- TSCĐ

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 30 tháng 12 năm 2008

Căn cứ vào Quyết định số 171/TCTK-PPCD ngày 02 tháng 09 năm 1989 . Về việc thanh lý tài sản cố định

I. Ban thanh lý tài sản cố định gồm :

- Ông / Bà : Nguyễn Văn Thanh Đại diện Sở Thương Mại Hải Phòng
- Ông / Bà : Nguyễn Thị Mai TP KT công ty Cổ phần XL và TM
- Ông / Bà : Trần Ngọc Sơn TP KT công ty Cổ phần XL VÀ TM

II. Tiến hành thanh lý tài sản cố định :

- Tên, ký hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ : máy bơm nước chữa cháy động cơ điện ($Q=55\text{m}^3/\text{h}$, $H=48\text{m}$, $N=11\text{kw/h}$).
- Nước sản xuất (Xây dựng) : Nhật Bản
- Năm sản xuất : 1999
- Năm đưa vào sử dụng : 2000 Số thẻ TSCĐ : TMVTCT02
- Nguyên giá TSCĐ : 15.500.000
- Giá trị còn lại của TSCĐ : 4.683.572

III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ

Máy bơm nước chữa cháy động cơ điện ($Q=55\text{m}^3/\text{h}$, $H=48\text{m}$, $N=11\text{kw/h}$) đã được công ty sử dụng nhiều năm nhưng hiện không còn khả năng thu hồi giá trị còn lại vì chi phí cho việc thu hồi cao hơn giá trị thu được. Sau khi rà soát cụ thể từng hạng mục tài sản, hội nghị đã thống nhất giao cho công ty cổ phần xây lắp và thương mại được thanh lý TSCĐ có biên bản và danh mục chi tiết kèm theo.

Ngày 30 tháng 12 năm 2008

Trưởng ban thanh lý

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 12 năm 2008

Số : PKT 04

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xoá sổ TSCĐ	811		4.683.572
		214		10.816.428
			211	15.500.000
2	Khoản thu về thanh lý TSCĐ	111		2.145.000
			711	1.950.000
			3331	195.000
	Cộng			

Ngày 30 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.20 : Phiếu kế toán 04

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm : 2008

Đơn vị tính : Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
							
07/02	PC11	07/02	DN Đức Thịnh tạm ứng tiền	111	131	5.000.000	5.000.000
10/02	PT15	10/02	Bán lẻ hàng hoá thu bằng tiền mặt	111	511	900.000	900.000
			Thuế GTGT đầu ra	111	3331	90.000	90.000
							
09/12	HD046824	09/12	Công ty TNHH Hải Hào thanh toán tiền	112	511	60.000.000	60.000.000
			Thuế GTGT đầu ra	112	3331	6.000.000	6.000.000
30/12	PKT04	30/12	Xoá sổ NG TSCĐ	811	211	4.683.572	4.683.572
				214	211	10.816.428	10.816.428
			Số thu về từ thanh lý TSCĐ	111	711	1.950.000	1.950.000
				111	3331	195.000	195.000
31/12	PKT03	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	1.950.000	1.950.000
			Tổng cộng			2.956.847.369	2.956.847.369

Biểu số 2.21 : Trích sổ nhật ký chung năm 2008

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK : Thu nhập khác

Số hiệu TK :711

Năm : 2008

Đơn vị tính : Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			<u>Tháng 12/2008</u>			
30/12	NB	30/12	Tiền thu được từ nhượng bán máy bơm	111		1.950.000
31/12	PKT03	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	1.950.000	
			Cộng phát sinh tháng 12/2008		1.950.000	1.950.000
			Luỹ kế PS tới 31/12/2008		3.185.200	3.185.200
			Số dư cuối năm			—

Biểu số 2.22 : Trích sổ cái TK 711

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK : Chi phí khác

Số hiệu TK :811

Năm : 2008

Đơn vị tính : Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			<u>Tháng 12/2008</u>			
30/12	NB	30/12	Xoá sổ nguyên giá tài sản cố định	211	4.683.572	
31/12	PKT03	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		4.683.572
			Cộng phát sinh tháng 12/2008		4.683.572	4.683.572
			Số dư cuối năm			—

Biểu số 2.23 : Trích sổ cái TK 811

2.2.6.Xác định kết quả kinh doanh**2.2.6.1.Nội dung của xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại**

Cuối năm, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có TK 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, chi phí tài chính sang bên Nợ TK 911.

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421:

Nợ TK 421

Có TK 911

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì chứng tỏ trong năm doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế TNDN phải nộp Nhà nước như sau:

- Xác định thu nhập chịu thuế = SPS bên Có TK 911 – SPS bên Nợ TK 911
- Thuế TNDN phải nộp = thu nhập chịu thuế x thuế suất thuế TNDN

Khi xác định được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hay được ghi giảm.

Sau khi tính được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911. Từ đó xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421–Lợi nhuận sau thuế

2.2.6.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

*) Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

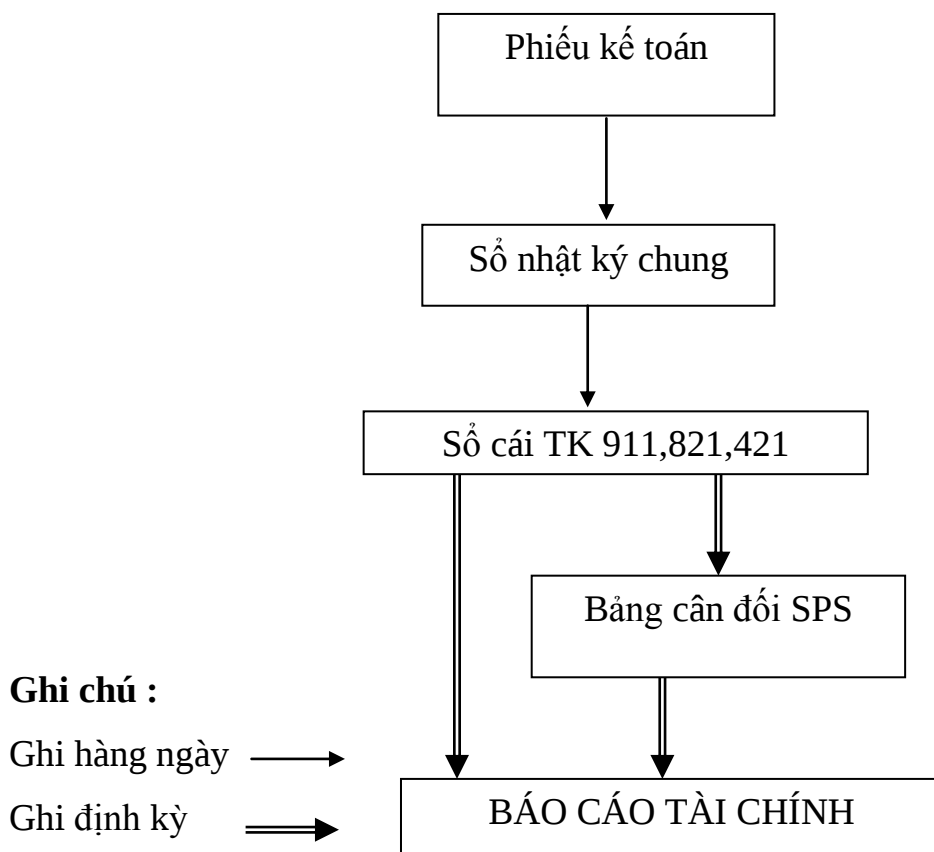
*) Tài khoản sử dụng :

- Tài khoản 911 : Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 821 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 421 : Lợi nhuận chưa phân phối

2.2.6.3. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại được khái quát qua sơ đồ sau :

Sơ đồ 2.8



2.2.6.4. Ví dụ minh họa

Cuối tháng 12/2008, công ty cổ phần xây lắp và thương mại thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Sau khi thực hiện các bút toán kết chuyển trong tháng 12/2008, ta có:

Tổng số phát sinh bên Có TK 911 :

+ Kết chuyển doanh thu thuần :	481.858.500 đ
+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính :	949.678 đ
+ Kết chuyển thu nhập khác :	3.185.200 đ
Tổng cộng	= 485.993.378 đ

Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 :

+ Kết chuyển giá vốn hàng bán : 397.921.324 đ

+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp : 18.861.532 đ

+ Kết chuyển chi phí khác 4.683.572 đ

Tổng cộng = 421.466.428 đ

Lợi nhuận trước thuế = 485.993.378 – 421.466.428 = 64.526.950 đ

Thuế TNDN phải nộp = 64.526.950 * 28% = 18.067.546 đ

Lợi nhuận sau thuế = 64.526.950 – 18.067.546

= 46.459.404 đ

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số : PKT 01

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c doanh thu thuần	511	911	136.235.245
	Cộng			136.235.245

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.23 : Phiếu kế toán 01

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số : PKT 02

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c doanh thu HĐTC	515	911	524.352
	Cộng			524.352

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.24 : Phiếu kế toán 02

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số : PKT 03

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c thu nhập khác	711	911	1.950.000
	Cộng			1.950.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán 03

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số : PKT 05

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c giá vốn hàng bán	911	632	99.568.692
	Cộng			99.568.692

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán 05

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số : PKT 06

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c chi phí QLDN	911	642	3.597.985
	Cộng			3.597.985

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán 06

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số : PKT 06

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c chi phí khác	911	811	4.683.572
	Cộng			4.683.572

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.28: Phiếu kế toán 07

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số : PKT 07

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	18.067.546
	Cộng			18.067.546

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.29: Phiếu kế toán 08

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số : PKT 08

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c chi phí thuế TNDN	911	821	18.067.546
	Cộng			18.067.546

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.30: Phiếu kế toán 09

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số : PKT 09

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c lợi nhuận sau thuế	911	421	46.459.404
	Cộng			46.459.404

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.31: Phiếu kế toán 10

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm : 2008

Đơn vị tính : Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
							
			Tháng 12/2008				
31/12	PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	136.235.245	136.235.245
31/12	PTK02	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515	911	524.352	524.352
31/12	PKT03	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	1.950.000	1.950.000
31/12	PKT05	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	99.568.692	99.568.692
31/12	PKT06	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN	911	642	3.597.985	3.597.985
31/12	PKT07	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911	811	4.683.572	4.683.572
31/12	PKT09	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	46.459.404	46.459.404
			Tổng cộng			2.956.847.369	2.956.847.369

Biểu số 2.32 : Trích sổ nhật ký chung năm 2008

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK : Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK : 911

Năm : 2008

Đơn vị tính : Đồng

Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
SH	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
		<u>Tháng 12/2008</u>			
PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511		136.235.245
PTK02	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515		524.352
PKT03	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		1.950.000
PKT05	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	99.568.692	
PKT06	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN	642	3.597.985	
PKT07	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	4.683.572	
PKT09	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	18.067.546	
PKT10	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	46.459.404	
		Số dư cuối năm		—	

Biểu số 2.33 : Trích sổ cái TK 911

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK : Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu TK : 821

Năm : 2008

Đơn vị tính : Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			<u>Tháng 12/2008</u>			
31/12	PKT08	31/12	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp	3334	18.067.546	
31/12	PKT09	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		18.067.546
			Cộng phát sinh tháng 12/2008		18.067.546	18.067.546
			Số dư cuối năm			

Biểu số 2.34 : Trích sổ cái TK 821

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK : Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu TK : 421

Năm : 2008

Đơn vị tính : Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			863.948.972
			<u>Tháng 12/2008</u>			
31/12	PKT10	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911		46.459.404
			Cộng phát sinh tháng 12/2008		—	46.459.404
			Số dư cuối năm			910.408.376

Biểu số 2.35 : Trích sổ cái TK 421

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI**3.1.Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại.****3.1.1. Đánh giá chung**

Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường, có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh.

Trong nền kinh tế thị trường đang diễn ra gay gắt giữa các thành phần kinh tế, các lĩnh vực kinh tế khác nhau, nhiều công ty không đứng vững dẫn đến phá sản, giải thể. Do nhận thức kịp thời chuyển động của nền kinh tế và phân tích đúng đắn nhu cầu của thị trường, công ty đã có những phương hướng, những giải pháp kinh tế hiệu quả khắc phục những khó khăn và phát huy những thế mạnh mà công ty đang có để bắt kịp được với sự phát triển của nền kinh tế đất nước.

Công ty đã đẩy mạnh tìm kiếm thị trường tiêu thụ, mở rộng hoạt động kinh doanh, cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân viên. Doanh thu hàng năm của công ty đã tăng lên rõ rệt. Công ty tồn tại và phát triển được là do sự vươn lên không ngừng đổi mới của công ty mà trước hết là do sự năng động sáng tạo của ban giám đốc, của bộ máy tổ chức công ty và sự đoàn kết đồng lòng của cán bộ công nhân viên trong công ty.

Qua một thời gian thực tập và tìm hiểu về công ty, được tiếp nhận với thực tế công tác quản lý kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự giúp đỡ của công ty và nhận viên phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em thực tập và làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức đã học trong nhà trường. Qua đây em cũng xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và kiến nghị về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.1.2. Ưu điểm

***) Về bộ máy kế toán :**

- Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hoá công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của đội ngũ kế toán viên.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức quy củ, có kế hoạch sắp xếp chỉ đạo từ trên xuống, các báo cáo được lập nhanh chóng, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý.

- Các phân việc kế toán được phân công tương đối rõ ràng cho từng nhân viên trong phòng kế toán, có sự kết hợp chặt chẽ giữa các phân hành kế toán với nhau, đảm bảo tính thống nhất cho phạm vi ghi chép. Từ đó tạo điều kiện cho kiểm tra, đối chiếu một cách dễ dàng, phát hiện những sai sót để kịp thời sửa chữa, đảm bảo cung cấp được thông tin, giúp ban lãnh đạo công ty đánh giá được hiệu quả kinh doanh, phù hợp với yêu cầu thị trường.

***) Về hình thức kế toán:**

Công ty hiện nay đang áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung”. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách sử dụng phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của kế toán viên.

***) Về hạch toán ban đầu :**

Các chứng từ sử dụng cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do BTC quy định.

Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ, đều có chữ ký xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế với số liệu trên sổ kế toán.

Sau khi hạch toán các chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng bộ, từng khoản mục, trình tự thời gian, tạo điều kiện kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

***) Về phương pháp hạch toán hàng tồn kho:**

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này tạo điều kiện cho việc phản ánh, ghi chép và theo dõi thường xuyên sự biến động của sản phẩm.

*) Về đội ngũ kế toán công ty :

Đội ngũ kế toán công ty nhiệt tình, năng động, có tâm huyết với công việc. Trong quá trình làm việc, trên cơ sở những vấn đề thực tiễn nảy sinh, các cán bộ nhận viên trong phòng kế toán luôn mạnh dạn đề xuất ý kiến của mình, đưa ra trao đổi, bàn bạc để từ đó không ngừng hoàn thiện công tác kế toán của công ty.

3.1.3. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, việc hạch toán công tác kế toán của công ty vẫn còn có những hạn chế sau :

*) Về hệ thống sổ kế toán :

- Kế toán không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh. Điều này gây khó khăn cho việc tập hợp chi phí và tính giá thành. Công ty nên mở sổ chi tiết theo đối tượng, như vậy có thể theo dõi chi tiết và dễ dàng hơn.

- Kế toán không mở sổ chi tiết thanh toán với người mua(người bán) và bảng tổng hợp thanh toán với người mua(người bán). Mục đích của hai loại sổ này giúp cho kế toán dễ dàng theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với công ty cũng như công nợ của công ty đối với nhà cung cấp. Điều này cũng giúp cho ban lãnh đạo công ty dễ dàng nắm bắt được tình hình nợ phải thu hoặc nợ phải trả của công ty như thế nào để từ đó đề ra các chính sách, các giải pháp phù hợp, kịp thời.

- Kế toán công ty không mở Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá và Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá. Điều này sẽ làm kế toán rất khó đối chiếu với số liệu tài khoản hàng tồn kho trên sổ cái.

*) Về tài khoản kế toán :

Kế toán không mở chi tiết cho tài khoản 642 : chi phí quản lý doanh nghiệp. Điều này làm kế toán không theo dõi được các yếu tố chi phí, gây khó khăn trong việc hạch toán.

*) Về hình thức kế toán :

Hình thức kế toán mà công ty áp dụng là hình thức kế toán Nhật ký chung. Hình thức này phù hợp với quy mô và đặc điểm kinh doanh của công ty.

Tuy nhiên, Công ty lại không sử dụng phần mềm kế toán. Các nghiệp vụ bán lẻ hàng hoá lại phát sinh nhiều. Do vậy công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để giảm thiểu khối lượng sổ sách, khối lượng công việc cho kế toán viên, giúp cho việc hạch toán kế toán được đơn giản gọn nhẹ hơn, việc quản lý hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán được khoa học và hợp lý hơn.

*) Về quá trình luân chuyển chứng từ:

Mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho về cơ bản đều đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Trong cơ chế thị trường, sự biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là một điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định được phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy thì trước hết công ty phải hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện nay vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý và trở thành bộ quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, đối chiếu, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học để có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản, sử dụng tài sản hợp lý của đơn vị mình.

Hơn nữa, Báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho đối tượng quan tâm về tình hình tài chính của công ty như: chủ đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng... để có được sự đầu tư đúng đắn trong tương lai.

3.2.2. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại.

- Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế, tài chính doanh nghiệp mà còn có sự hiểu biết về phân mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị và lập các báo cáo tài chính. Hơn nữa, nhân viên kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho chỉ đạo quá trình kinh doanh.

- Thực hiện đúng chế độ nhà nước ban hành

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại

3.2.3.1. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại.

Công ty nên sử dụng mẫu sổ theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Lấy lại ví dụ ở phần doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT Ký hiệu MV/2008B số 046825 ngày 10/12/2008 về nghiệp vụ bán hàng cho công ty cổ phần Minh Đạt, Phiếu xuất kho số 09, Sổ chi tiết bán hàng và căn cứ vào hoá đơn GTGT ký hiệu MV/2008B số 046833 ngày 25 tháng 12 năm 2008, kế toán ghi sổ như sau :

Biểu số 3.1

Mẫu số S31-DN

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA(NGƯỜI BÁN)

Tài khoản:

Tên TK:

Đối tượng:

Năm

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn Chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Cộng phát sinh						
			Số dư cuối kỳ						

Biểu số 3.2:

Mẫu số S31-DN

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA(NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: 131

Tên TK: Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty TNHH Sao Mai

Năm : 2008

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn Chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ					—	
25/12	HĐ046833	25/12	Bàn giao CT 125	511		85.000.000		85.000.000	
25/12	HĐ046833	25/12	Bàn giao CT 125	3331		8.500.000		93.500.000	
									
			Cộng phát sinh			93.500.000			
			Số dư cuối kỳ					93.500.000	

Biểu số 3.3

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại
Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA(NGƯỜI BÁN)

Tài khoản:

Tên TK:

Năm :

ST T	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng						

Biểu số 3.4:

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA(NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu TK: 131

Năm : 2008

ST T	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Cty TNHH Sao Mai			93.500.000		93.500.000	
2	Cty cổ phần Biển sơn	1.000.000		77.000.000		78.000.000	
							
	Tổng	5.680.000		311.500.000		317.180.000	

Biểu số 3.5

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM ,HÀNG HOÁ

Tài khoản :

Tên, quy cách vật liệu dụng cụ(sản phẩm, hàng hoá) :

Tiêu khoản :

Mã số vật liệu dụng cụ(sản phẩm, hàng hoá) :

Tên kho :

Đơn vị tính :

Năm :

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
		SĐĐK								
		Cộng PS tháng								
		SDCK								

Biểu số 3.6

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM ,HÀNG HOÁ

Tài khoản : 156

Tên, quy cách vật liệu dụng cụ(sản phẩm, hàng hoá) : Đầu báo nhiệt

Tiểu khoản :

Mã số vật liệu dụng cụ(sản phẩm, hàng hoá) : ĐBN

Tên kho : Kho số 1

Đơn vị tính : Bộ

Năm : 2008

Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
		SDDK							14	2.876.842
PX09	10/12	Bán hàng cho Cty Minh Đạt	632	198.200			02	396.400	12	2.480.442
										
		Cộng PS tháng			—	—	—	2.290.000		
		SDCK								5.166.842

Biểu số 3.7

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S11-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của BỘ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM ,HÀNG HOÁ

Tài khoản :

Tháng năm

STT	Tên, quy cách vật liệu,dụng cụ,sản phẩm,hàng hoá	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
	Cộng				

Biểu số 3.8

Mẫu số S11-DN

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của BỘ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM ,HÀNG HOÁ

Tài khoản :156

Tháng 12 năm 2008

STT	Tên, quy cách vật liệu,dụng cụ,sản phẩm,hàng hoá	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
01	Đầu báo nhiệt	2.876.842	—	2.290.000	586.842
02	Đầu báo khói	2.233.412	—	560.000	1.673.412
03	Đèn báo cháy	1.985.726	—	340.000	1.645.726
					
	Cộng	7.836.171	—	5.849.637	1.986.534

Biểu số 3.9

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các tài khoản : 621,622,623,627,154,631,641,642, 632,142,242,335)

Tài khoản :

Tên sản phẩm, dịch vụ:

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền		Chia ra			
	Số hiệu	NT		Nợ	Có				
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			SĐĐK						
			Cộng phát sinh						
			SDCK						

Ví dụ : Lập sổ chi tiết tháng 12/2008 cho TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Biểu số 3.10

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản : 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền		Chia ra			
	Số hiệu	NT		Nợ	Có	6421	6423	6427	6428
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			SDĐK						
									
26/12	PC240	26/12	Thanh toán tiền tiếp khách	1.995.000					1.995.000
27/12	PC241	27/12	Thanh toán tiền ĐT T12	389.623				389.623	
28/12	PC242	28/12	Thanh toán tiền nước T12	225.332				225.332	
									
31/12	PKT06	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN		3.597.985				
			Cộng phát sinh	3.597.985	3.597.985				
			SDCK						

Biểu số 3.11

Công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Số 174-Lê Lợi-Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản : 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Tên sản phẩm, dịch vụ: Công trình 125

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền		Chia ra			
	Số hiệu	NT		Nợ	Có				
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			SDĐK						
25/12	HĐ046833	02/12	Bàn giao HM CT 125 cho Cty Sao Mai		70.128.672				
			Cộng phát sinh		70.128.672				
			SDCK						

3.2.3.2. Hoàn thiện hệ thống tài khoản kế toán tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Công ty nên mở tiểu khoản cấp 2 cho tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh. Hai tiểu khoản đó gồm :

TK 6421 : Chi phí bán hàng

TK 6422 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Việc làm này giúp cho kế toán dễ hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp.

Nội dung của 2 tiểu khoản này như sau :

- TK 6421 : Chi phí bán hàng:

Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm :

- Chi phí nhân viên bán hàng: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng , nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá

- Chi phí vật liệu bao bì : phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng : Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá

- Chi phí khấu hao tài sản cố định : phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng...

- Chi phí bảo hành sản phẩm : phản ánh các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá

- Chi phí dịch vụ mua ngoài : phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng

- Chi phí bằng tiền khác : phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hoá, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng...

- TK 6422 : Chi phí quản lý doanh nghiệp :

Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm :

- Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp

- Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ .

- Chi phí đồ dùng văn phòng : phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng cho công tác quản lý

- Chi phí khấu hao tài sản cố định : phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trong doanh nghiệp

- Thuế, phí và lệ phí : phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như : thuế môn bài, tiền thuê đất ... và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí dự phòng : phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài : phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí hội nghị tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

3.2.3.3. Hoàn thiện kế toán quản trị tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại

Thứ nhất, Khi vào sổ sách kế toán phải ghi rõ số hiệu, ngày tháng chứng từ ghi sổ

Thứ hai, Về tình hình thanh toán công nợ phải thu:

Để giúp cho công ty thu hồi các khoản phải thu nhanh chóng, công ty cần coi trọng biện pháp sau đây :

- Phải mở các sổ theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu trong và ngoài doanh nghiệp và thường xuyên đôn đốc để thu hồi đúng hạn
- Có các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi không được thanh toán(Lựa chọn khách hàng, giới hạn giá trị tín dụng, yêu cầu đặt cọc, tạm ứng hay trả trước một phần giá trị đơn hàng....).
- Có chính sách bán chịu đúng đắn đối với từng khách hàng. Khi bán chịu cho khách hàng phải xem xét kỹ khả năng thanh toán trên cơ sở hợp đồng kinh tế đã ký kết.
- Có sự ràng buộc chặt chẽ trong hợp đồng bán hàng, nếu vượt quá thời gian thanh toán theo hợp đồng thì doanh nghiệp được thu lãi suất tương ứng với lãi suất quá hạn của ngân hàng.
- Phân loại các khoản nợ quá hạn, tìm hiểu nguyên nhân của từng khoản nợ (chủ quan, khách quan) để có biện pháp xử lý thích hợp như gia hạn nợ, thỏa ước xử lý nợ, xoá một phần nợ cho khách hàng hoặc yêu cầu Toà án kinh tế giải quyết theo thủ tục phá sản doanh nghiệp.

Thứ ba, Trong môi trường kinh doanh có sự cạnh tranh gay gắt như hiện nay, song hành với những cơ hội là những thách thức cơ thể xảy ra rủi ro bất cứ lúc nào đối với doanh nghiệp. Việc mỗi doanh nghiệp phải có những sách lược riêng của mình để hạn chế tới mức thấp nhất khả năng rủi ro là điều tất yếu. Đối với phần mềm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, ngoài nhiệm vụ chính là hạch toán, cung cấp thông tin có liên quan và đưa ra kết quả cuối cùng cho ban lãnh đạo, cho những đối tượng liên quan thì kế toán có thể đưa ra những ý kiến để góp phần nâng cao kết quả kinh doanh cho doanh nghiệp. Kế toán có thể từ những thông tin số liệu mình có nhận xét về tình hình tiêu thụ sản phẩm, về tình hình nợ phải thu của khách hàng.... đang ở tình trạng tốt hay không tốt để từ đó có những giải pháp giúp ban lãnh đạo công ty có những quyết định đúng đắn hơn, hiệu quả hơn.

3.2.3.4. Một số kiến nghị khác

- Hiện nay có rất nhiều các phần mềm kế toán khác nhau như VACOM, SAS INNOVA..... Việc hạch toán các sổ sách kế toán của công ty vẫn được tiến

hành theo phương pháp thủ công. Do vậy công ty nên sử dụng một phần mềm kế toán. Điều này giúp cho việc hạch toán kế toán được đơn giản, gọn nhẹ, nhanh chóng, chính xác, làm giảm khối lượng công việc của các nhân viên trong phòng kế toán, tạo được hiệu quả cao trong công tác quản lý, thuận tiện cho quá trình lưu trữ và bảo quản dữ liệu kế toán.

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán.

- Quá trình luân chuyển chứng từ từ kho sang phòng kế toán để ghi sổ chậm trễ, gây ra nhiều khó khăn và ảnh hưởng tới việc tính giá thành sản phẩm hoàn thành, gây ứ đọng công việc sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt tới công tác kế toán và làm tăng khối lượng công việc cho nhân viên kế toán. Vì vậy, công ty cần có những biện pháp quy định về ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ, nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

- Đối với những chỗ ghi chép sai trên sổ kế toán, công ty nên vận dụng những phương pháp sửa chữa sổ kế toán theo quy định. Có 3 phương pháp sửa chữa sổ kế toán :

+ Phương pháp cải chính : Gạch ngang chỗ sai, dùng mực thường ghi số đúng vào khoảng trống phía trên chỗ bị gạch và ký tên bên cạnh chỗ ghi.

+ Phương pháp ghi bổ sung : Dùng mực thường ghi bổ sung số tiền còn thiếu theo đúng quan hệ đối ứng

+ Phương pháp ghi âm : dùng mực đỏ hoặc đặt số tiền trong ngoặc để điều chỉnh giảm số tiền đã ghi sổ.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, muốn tồn tại được phải có sự phát triển không ngừng trong kinh doanh, cung như chặt chẽ, nghiêm túc trong công tác quản lý và luôn nâng cao nghiệp vụ, mở rộng quan hệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh để tiến kịp với sự đi lên của đất nước.

Là một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, Công ty cổ phần xây lắp và thương mại luôn khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Đây là một trong những động lực thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty ngày một phát triển hơn. Để đạt được thành tích như vậy phải kể đến công tác kế toán. Công ty đã chú trọng đầu tư cho công tác kế toán tài chính ngày càng hoàn thiện và phục vụ cho công việc quản lý ngày càng tốt hơn mà khâu đóng vai trò rất quan trọng là bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Có thể nói việc hạch toán doanh thu, chi phí và các định kết quả kinh doanh nói riêng và việc hạch toán kế toán nói chung tại công ty tương đối khoa học và hợp lý, song cũng không thể tránh khỏi những hạn chế. Với những kiến thức đã học, cùng với việc tiếp cận thực tế, em đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây lắp và thương mại.

Em xin chân thành cảm ơn cô Nguyễn Thị Mai Linh , các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng , các quý phòng ban trong công ty cổ phần xây lắp và thương mại đã giúp đỡ em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này.

Tài liệu tham khảo

1. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính VAT – TS Nguyễn Văn Công
2. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – TS Võ Văn Nhị
3. Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán mới – TS Nghiêm Văn Lợi
4. Kế toán thương mại và dịch vụ - PGS PTS Ngô Thế Chi
5. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)- Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính
6. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2)- Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính
7. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
8. Quản trị tài chính doanh nghiệp – TS Võ Đăng Nam

